

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 47 NĂM 2024 THEO CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Ghi chú:

- 405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 với điểm thi năng khiếu.
- 406: Kết hợp kết quả học tập cấp Trung học phổ thông (cả năm lớp 11 hoặc cả năm lớp 12) với điểm thi năng khiếu.
- KĐKTK: Không đăng ký tài khoản trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- KĐKNV: Không đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- TTTK: Trúng tuyển trường khác.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)		Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú	
1	TDS.01.0005	Cao Nguyễn Xuân An	17/01/2006	Nam	068206011316		2	405	QLTDTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.25	16	0.19	32.44	1	Trúng tuyển	
2	TDS.01.0007	Hoàng Nguyễn Bình An	15/11/2006	Nữ	064306013557		1	406	QLTDTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.2	18	0.45	34.95	1	Trúng tuyển	
3	TDS.01.0010	Lê Nguyễn Phước An	15/06/2006	Nam	083206009651		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.6	15	0.28	33.58	1	Trúng tuyển	
4	TDS.01.0011	Nguyễn Ngọc An	02/02/2004	Nam	052204010505		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.4	2.5	0.00	17.90		Trượt	Điểm NK<5
5	TDS.01.0017	Phạm Hoài An	24/11/2006	Nam	075206021547		2	406	YSHTDIT	Thể dục	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.4	16.5	0.19	32.79	1	Trúng tuyển	
6	TDS.01.0018	Phạm Trần Thanh An	20/05/2006	Nam	080206003350		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.8	Địa lí	9.7	17	0.27	34.77	1	Trúng tuyển	
7	TDS.01.0019	Phan Thái An	05/08/2006	Nam	074206001269		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.4	10	0.25	24.45	1	Trúng tuyển	
8	TDS.01.0021	Trần Phúc An	16/07/2006	Nam	082206001031		2NT	406	YSHTDIT	Thể dục	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.0	17	0.36	33.46	1	Trúng tuyển	
9	TDS.01.0025	Lê Thiên Ân	27/03/2006	Nam	079206040696		3	406	HLTT	Vật – Judo	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.7	17	0.00	34.20	1	Trúng tuyển	
10	TDS.01.0028	Nguyễn Phước Ân	01/03/2006	Nam	068206004410		2	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	7.75	14.5	0.25	29.25	1	Trúng tuyển	
11	TDS.01.0030	Vân Thiên Ân	29/06/2006	Nam	079206024377		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.5	10.5	0.50	25.10	1	Trúng tuyển	
12	TDS.01.0031	Bùi Lê Tuấn Anh	02/10/2006	Nam	038206018045	06a	2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	8.25	11	1.25	29.25	1	Trúng tuyển	
13	TDS.01.0032	Bùi Thị Phương Anh	26/02/2006	Nữ	072306007677		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.3	20	0.00	35.70	3	Trượt	TITK
14	TDS.01.0034	Cao Lê Quyền Anh	14/10/2005	Nam	072205000723		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn		GDCD		19	0.25	19.25		Trượt	KĐKTK
15	TDS.01.0035	Châu Huệ Anh	17/09/2006	Nữ	079306016546		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.8	18	0.15	34.65		Trượt	KĐKNV
16	TDS.01.0036	Đặng Lê Quốc Anh	24/01/2006	Nam	068206003141		2	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.9	19.5	0.14	35.64	1	Trúng tuyển	
17	TDS.01.0041	Hoàng Thị Minh Anh	23/08/2006	Nữ	075306023012		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.3	14.5	0.23	30.63	1	Trúng tuyển	
18	TDS.01.0042	Lê Anh	24/10/2006	Nam	079206024301		3	405	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.0	18.5	0.00	35.10	1	Trúng tuyển	
19	TDS.01.0043	Lê Đức Anh	01/12/2006	Nam	082206015554		2NT	406	HLTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.9	18.5	0.48	32.58	1	Trúng tuyển	
20	TDS.01.0044	Lê Quý Duy Anh	19/12/2004	Nam	060204010641		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.4	19.5	0.16	35.26	1	Trúng tuyển	
21	TDS.01.0045	Lê Thị Ngọc Anh	02/04/2005	Nữ	070305004288		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.6	Sinh học	9.5	17	0.11	35.21	2	Trượt	TITK
22	TDS.01.0047	Lê Thị Tố Anh	29/07/2006	Nữ	080306003051		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.9	12.5	0.50	27.50	1	Trúng tuyển	
23	TDS.01.1702	Lê Việt Anh	30/09/2006	Nam	068206001999		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.5	16	0.25	30.75	2	Trúng tuyển	
24	TDS.01.0050	Ngô Kỳ Anh	30/01/2005	Nam	066205009998		1	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.6	18	0.47	34.77	1	Trúng tuyển	
25	TDS.01.0051	Nguyễn Đức Anh	15/06/2006	Nam	079206017418		3	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	7.6	Vật lí	9.5	16.5	0.00	33.60	1	Trúng tuyển	
26	TDS.01.0052	Nguyễn Đức Anh	27/06/2006	Nam	070206008794		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.25	GDCD	9	17	0.48	31.73	1	Trúng tuyển	
27	TDS.01.0053	Nguyễn Duy Anh	28/08/2006	Nam	035206009565		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	9.25	16	0.42	32.17	1	Trúng tuyển	
28	TDS.01.0054	Nguyễn Hoàng Lan Anh	10/10/2006	Nữ	070306005517		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.6	17	0.17	33.57	1	Trúng tuyển	
29	TDS.01.0055	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	19/11/2006	Nam	070206002551		1	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	9.25	18	0.40	35.40	1	Trúng tuyển	
30	TDS.01.0056	Nguyễn Hồng Anh	22/04/2006	Nam	089206002136		1	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	9.75	14	0.65	31.15	2	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
31	TDS.01.0057	Nguyễn Huỳnh Thảo Anh	01/01/2001	Nữ	079301001279		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GD CD	7.0	15	0.00	29.10	1	Trúng tuyển	
32	TDS.01.1737	Nguyễn Lê Đức Anh	11/04/2006	Nam	075206005763		2	406	HLTT	Bóng bàn	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.2	20	0.12	36.52	1	Trúng tuyển	
33	TDS.01.0059	Nguyễn Minh Anh	26/12/2006	Nữ	079306024072		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.7	GD CD	8.2	16.5	0.00	30.40	1	Trúng tuyển	
34	TDS.01.0060	Nguyễn Nhật Anh	26/04/2006	Nam	072206003648		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GD CD	7.8	12	0.25	26.85	1	Trúng tuyển	
35	TDS.01.0061	Nguyễn Phạm Quốc Anh	11/12/2006	Nam	075206011695		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.8	Địa lí	7.8	13	0.23	29.83		Trượt	KĐKNV
36	TDS.01.1736	Nguyễn Quang Anh	12/10/2006	Nam	070206006582		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.75	GD CD	9.25	18.5	0.58	34.08	1	Trúng tuyển	
37	TDS.01.0063	Nguyễn Võ Văn Anh	15/06/1999	Nữ	074199003646		3	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.7	GD CD	8.7	16.5	0.00	31.90	1	Trúng tuyển	
38	TDS.01.0065	Phạm Hồ Tuấn Anh	18/10/2004	Nam	068204006755	01	3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	6.6	8	2.00	23.60		Trượt	Điểm NK < 5
39	TDS.01.0079	Trần Tuấn Anh	22/04/2006	Nam	075206003601		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	6.9	Vật lí	8.3	16	0.23	31.43	1	Trúng tuyển	
40	TDS.01.0080	Trần Việt Anh	29/04/2005	Nam	033205014294		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.25	GD CD	8.5	20	0.11	36.86	1	Trúng tuyển	
41	TDS.01.0081	Trịnh Tuấn Anh	24/12/2006	Nam	068206000610		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.1	17.5	0.40	35.20		Trượt	KĐKNV
42	TDS.01.0082	Võ Hoàng Văn Anh	01/06/2004	Nữ	082304000468		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	9.1	Vật lí	8.9	18	0.00	36.00	2	Trúng tuyển	
43	TDS.01.0083	Vũ Nguyễn Hoàng Anh	23/11/2006	Nam	036206026413		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.4	Vật lí	9.1	12.5	0.00	28.00	1	Trúng tuyển	
44	TDS.01.0084	Vũ Thị Hồng Anh	29/05/2006	Nữ	077306008333		2	405	QLTDTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.75	GD CD	9.25	18.5	0.16	34.66	13	Trượt	TTTTK
45	TDS.01.0087	Giáp Ngọc Bắc	02/07/2006	Nam	066206012234		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.2	14.5	0.75	30.15	2	Trượt	TTTTK
46	TDS.01.0088	Ngũ Văn Bắc	26/09/2006	Nam	056206009661		1	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.0	GD CD	7.5	18	0.75	32.25	1	Trúng tuyển	
47	TDS.01.1718	Nguyễn Tiến Bách	30/03/2006	Nam	075206004397		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.7	GD CD	8.3	17	0.43	32.43	1	Trúng tuyển	
48	TDS.01.0089	Lơ Mu Ly Ban	11/07/2006	Nam	068206008324	01	1	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.25	GD CD	8.75	19.5	1.56	37.06	1	Trúng tuyển	
49	TDS.01.0090	Bạch Bảo Bằng	08/02/2006	Nam	075206011008		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.0	14.5	0.50	30.10	1	Trúng tuyển	
50	TDS.01.0093	Bùi Gia Bảo	03/01/2006	Nam	075206001526		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.4	14.5	0.40	31.60	1	Trúng tuyển	
51	TDS.01.1721	Bùi Văn Vũ Bảo	11/09/2006	Nam	079206024811		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.7	18.5	0.17	34.27	1	Trúng tuyển	
52	TDS.01.0101	Huỳnh Thái Bảo	23/07/2006	Nam	083206006110		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.5	16.5	0.22	35.12	3	Trúng tuyển	
53	TDS.01.0102	Huỳnh Thái Bảo	24/12/2006	Nam	083206004062		2	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.1	Vật lí	7.5	14	0.25	29.85	1	Trúng tuyển	
54	TDS.01.0103	Huỳnh Văn Bảo	25/08/2006	Nam	066206008235		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.2	14	0.48	30.28	1	Trúng tuyển	
55	TDS.01.0104	Lâm Chí Bảo	29/05/2006	Nam	052206004153		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	6.9	16	0.25	29.85		Trượt	KĐKNV
56	TDS.01.0105	Lê Huỳnh Gia Bảo	01/05/2006	Nam	075206019633		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	9.0	20	0.20	37.20	1	Trúng tuyển	
57	TDS.01.0106	Lê Nguyễn Quốc Bảo	24/01/2006	Nam	080206000247		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.8	16	0.30	33.80	1	Trúng tuyển	
58	TDS.01.1742	Lê Quốc Bảo	16/09/2006	Nam	093206000797		2	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	5.3	Địa lí	9.0	15.5	0.25	30.05	1	Trúng tuyển	
59	TDS.01.0110	Lê Vũ Anh Bảo	29/09/2006	Nam	064206005954		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	6.8	Vật lí	8.1	18.5	0.59	33.99	1	Trúng tuyển	
60	TDS.01.0111	Ngô Hoài Bảo	04/01/2006	Nam	082206002636		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GD CD	7.5	12	0.50	27.50	1	Trúng tuyển	
61	TDS.01.0112	Nguyễn Gia Bảo	06/07/2006	Nam	075206001031		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GD CD	8.5	16	0.40	32.40	1	Trúng tuyển	
62	TDS.01.0113	Nguyễn Gia Bảo	06/09/2006	Nam	066206009774		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.6	GD CD	8.0	15.5	0.44	31.54	1	Trúng tuyển	
63	TDS.01.0115	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	18/03/2006	Nam	049206005144		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GD CD	9.3	17.5	0.00	33.40	1	Trúng tuyển	
64	TDS.01.0117	Nguyễn Quốc Bảo	01/08/2006	Nam	075206005721		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.9	Vật lí	9.3	16.5	0.12	34.82	1	Trúng tuyển	
65	TDS.01.1733	Nguyễn Thái Bảo	05/11/2006	Nam	093206009389		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	6.6	Địa lí	9.3	16.5	0.20	32.60	1	Trúng tuyển	
66	TDS.01.0123	Phạm Nguyễn Gia Bảo	30/07/2006	Nam	079206041346		3	406	HLTT	Thế dục	T05	Ngữ văn	8.0	GD CD	8.6	18	0.00	34.60	2	Trượt	TTTTK
67	TDS.01.0125	Phan Nhật Bảo	10/01/2001	Nam	079201001513		3	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.7	18.5	0.00	34.60	1	Trúng tuyển	
68	TDS.01.0126	Trần Đình Bảo	18/06/1997	Nam	034097002398		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.0	Vật lí	6.4	15.5	0.00	27.90		Trượt	KĐKTK
69	TDS.01.0128	Trần Gia Bảo	29/12/2006	Nam	080206008302		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	18	0.31	34.61	1	Trúng tuyển	
70	TDS.01.0131	Võ Lê Quốc Bảo	19/05/2006	Nam	060206006879		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	5.5	GD CD	9.0	16	0.50	31.00	2	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
71	TDS.01.0132	Vũ Hoàng Gia Bảo	26/02/2006	Nam	091206009240		2NT	406	HLTT	Cờ vua	T06	Toán	8.3	Địa lí	9.7	20	0.13	38.13	1	Trúng tuyển	
72	TDS.01.0134	Tô Thị Ngọc Bích	27/08/2006	Nữ	068306002218		2NT	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.75	18	0.28	35.03	1	Trúng tuyển	
73	TDS.01.0135	Trương Thị Ngọc Bích	11/02/2006	Nữ	095306001223		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.4	17	0.60	33.10	1	Trúng tuyển	
74	TDS.01.0137	Liêng Jrang Billybrian	20/03/2006	Nam	068206001964	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.8	19.5	0.93	38.14	1	Trúng tuyển	
75	TDS.01.0138	Lê Nguyễn Du Bin	11/08/2006	Nam	054206003561		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.4	16.5	0.22	32.02	1	Trúng tuyển	
76	TDS.01.0141	Hầu Hồng Bình	22/10/2006	Nam	080206008720		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	7.6	17	0.00	32.50	1	Trúng tuyển	
77	TDS.01.1703	Lê Thanh Bình	04/11/2005	Nam	072205001506		2	406	YSHDTT	Bóng đá	T00	Toán	7.6	Sinh học	7.6	13.5	0.25	28.95	1	Trúng tuyển	
78	TDS.01.0143	Trần Chí Bình	19/11/2006	Nam	084206009329	01	1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.5	18	1.54	36.34	1	Trúng tuyển	
79	TDS.01.0148	Vũ Xuân Cảnh	14/09/2003	Nam	068203003946		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	5.4	GDCD	8.4	18	0.00	31.80		Trượt	KĐKNV
80	TDS.01.0150	Bùi Thị Ái Châu	21/02/2006	Nữ	083306010063		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.3	17	0.43	32.43	1	Trúng tuyển	
81	TDS.01.0154	Lê Châu	24/11/2006	Nam	058206006591		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	9.25	16.5	0.47	31.72	1	Trúng tuyển	
82	TDS.01.0155	Nguyễn Minh Châu	13/12/2005	Nam	072205002796		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.5	17.5	0.21	32.71	1	Trúng tuyển	
83	TDS.01.0156	Dương Thị Kim Chi	13/05/2006	Nữ	074306004049		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.9	16	0.36	32.96	4	Trượt	TTTTK
84	TDS.01.0157	Nguyễn Ngọc Lan Chi	10/11/2006	Nữ	075306000506		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.8	Địa lí	8.3	14.5	0.19	31.79	6	Trượt	TTTTK
85	TDS.01.0160	Nguyễn Quốc Chí	03/07/2006	Nam	068206013177		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	19.5	0.26	36.06	1	Trúng tuyển	
86	TDS.01.0161	Vũ Minh Chí	15/07/2006	Nam	036206000118		3	406	HLTT	Quần vợt	T04	Toán	7.0	Vật lí	8.3	16	0.00	31.30	1	Trúng tuyển	
87	TDS.01.0165	Nguyễn Minh Chiến	21/12/2006	Nam	054206006610		2	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.7	18	0.17	34.17	1	Trúng tuyển	
88	TDS.01.0171	Nguyễn Phước Chung	07/03/2006	Nam	079206027311		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.8	12.5	0.25	27.55	1	Trúng tuyển	
89	TDS.01.0173	Trần Đình Chương	23/07/2006	Nam	084206004731		1	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.4	GDCD	8.9	16.5	0.45	34.25	2	Trúng tuyển	
90	TDS.01.0178	Nguyễn Hoàng Cương	04/04/2006	Nam	068206000800		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.4	17.5	0.75	32.05		Trượt	KĐKNV
91	TDS.01.0179	Châu Quốc Cường	09/04/2005	Nam	087205015955		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	20	0.25	36.55	1	Trúng tuyển	
92	TDS.01.0180	Đặng Nguyễn Quốc Cường	04/11/2004	Nam	075204013279		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.5	16.5	0.46	31.76	1	Trúng tuyển	
93	TDS.01.0181	Diệp Tấn Cường	07/01/2006	Nam	064206005867		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	6.3	14.5	0.25	28.65	1	Trúng tuyển	
94	TDS.01.0185	Nguyễn Viết Cường	20/01/2006	Nam	030206002643		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	8.0	20	0.00	34.10	1	Trúng tuyển	
95	TDS.01.0186	Trần Quốc Cường	09/06/2005	Nam	037205006730		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.8	19	0.67	33.47	1	Trúng tuyển	
96	TDS.01.0187	Trần Quốc Cường	29/04/2006	Nam	089206003302		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	7.75	18.5	0.53	34.53	1	Trúng tuyển	
97	TDS.01.0188	Trịnh Văn Cường	07/02/2006	Nam	074206004470		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.0	11.5	0.50	28.60	1	Trúng tuyển	
98	TDS.01.0190	Lê Nguyễn Sô Đa	19/07/2006	Nam	075206018090		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.2	18.5	0.00	32.70		Trượt	KĐKNV
99	TDS.01.0195	Phan Phú Đàm	21/01/2006	Nam	083206008837		1	406	YSHDTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.1	16	0.65	32.15	1	Trúng tuyển	
100	TDS.01.0196	Ngô Nhật Đan	08/11/2004	Nam	095204007152		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.4	Địa lí	7.8	17	0.00	33.20		Trượt	KĐKTK
101	TDS.01.0197	Bê Văn Đan	08/01/2005	Nam	068205009732	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.1	19	1.72	36.52	1	Trúng tuyển	
102	TDS.01.0201	Ngô Trần Hải Đăng	14/10/2001	Nam	092201006725		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.6	GDCD	8.6	19	0.00	33.20	1	Trúng tuyển	
103	TDS.01.0205	Thạch Hải Đăng	05/01/2006	Nam	095206004722	06a	2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.5	17	1.40	32.90	1	Trúng tuyển	
104	TDS.01.0206	Trần Nguyễn Nhật Đăng	10/01/2006	Nam	068206001406		2NT	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.75	18	0.38	33.63	1	Trúng tuyển	
105	TDS.01.0207	Trương Hải Đăng	17/08/2006	Nam	044206001480		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	6.5	15	0.50	28.50	2	Trúng tuyển	
106	TDS.01.0209	Thạch Thành Đăng	01/12/2005	Nam	070205003788	06a	2	405	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.0	Địa lí	9.0	19.5	0.71	36.21	1	Trúng tuyển	
107	TDS.01.0210	Bơ Nah Ria Ka Danh	11/06/2005	Nam	068205004207	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.0	20	1.25	37.85	1	Trúng tuyển	
108	TDS.01.0212	Hồ Quang Danh	26/03/2006	Nam	052206014981		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.9	12	0.44	29.84	1	Trúng tuyển	
109	TDS.01.0214	Lê Tường Danh	14/02/2006	Nam	052206017643		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	17.5	0.15	34.35	1	Trúng tuyển	
110	TDS.01.0215	Lê Xuân Danh	23/07/2003	Nam	060203000680		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	4.8	GDCD	8.0	18	0.00	30.80		Trượt	KĐKTK

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
111	TDS.01.0216	Nguyễn Phong Danh	03/03/2006	Nam	083206004091		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	8.6	Sinh học	9.2	19.5	0.16	37.46	1	Trúng tuyển	
112	TDS.01.0217	Nguyễn Thành Danh	01/01/2006	Nam	058206005358		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.5	17	0.25	31.25	1	Trúng tuyển	
113	TDS.01.0219	Thái Phương Danh	10/08/2006	Nam	072206010177		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.1	16	0.23	31.43	1	Trúng tuyển	
114	TDS.01.0223	Bùi Đoàn Thành Đạt	09/12/2006	Nam	083206001567		1	406	HLTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.1	19	0.39	35.99	2	Trúng tuyển	
115	TDS.01.0225	Bùi Thành Đạt	17/10/2006	Nam	089206014772		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.5	12	0.47	29.47	1	Trúng tuyển	
116	TDS.01.0226	Châu Tiến Đạt	20/12/2004	Nam	082204010011		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.5	14.5	0.00	30.00	1	Trúng tuyển	
117	TDS.01.0227	Đặng Văn Đạt	29/04/2006	Nam	051206006913		1	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.3	Sinh học	7.4	18	0.63	33.33	1	Trúng tuyển	
118	TDS.01.0228	Đặng Xuân Đạt	03/04/2006	Nam	091206006693		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	9.1	19	0.27	35.77	3	Trượt	TTTT
119	TDS.01.0229	Danh Phát Đạt	28/07/2006	Nam	094206007614	01	1	406	HLTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.5	18	2.24	35.14	1	Trúng tuyển	
120	TDS.01.0234	Hồ Võ Thành Đạt	14/03/2002	Nam	056202005466		3	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.5	12.5	0.00	28.40	1	Trúng tuyển	
121	TDS.01.0236	Huỳnh Quốc Đạt	02/02/2006	Nam	083206011702		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.4	16.5	0.32	33.72	1	Trúng tuyển	
122	TDS.01.0237	Huỳnh Tấn Đạt	03/11/2005	Nam	056205001596		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.5	18	0.40	33.40	1	Trúng tuyển	
123	TDS.01.0238	Huỳnh Tấn Đạt	21/09/2005	Nam	066205011342		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	6.4	Sinh học	7.5	17	0.75	31.65	1	Trúng tuyển	
124	TDS.01.0241	Lã Quý Đạt	04/11/2006	Nam	079206020229		3	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.75	13	0.00	30.25	2	Trượt	TTTT
125	TDS.01.0243	Lê Hoàng Đạt	29/03/2006	Nam	087206010489		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	9.8	16.5	0.23	35.03	2	Trúng tuyển	
126	TDS.01.0244	Lê Thành Đạt	20/03/2004	Nam	062204002000		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.3	18	0.00	32.30	1	Trúng tuyển	
127	TDS.01.0245	Lê Tiến Đạt	28/11/2006	Nam	075206006290		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	7.9	13	0.25	27.65	1	Trúng tuyển	
128	TDS.01.0246	Nguyễn Hoàng Quốc Đạt	01/12/2006	Nam	072206008973		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	7.3	17.5	0.25	31.25	1	Trúng tuyển	
129	TDS.01.0247	Nguyễn Phát Đạt	21/01/2006	Nam	074206008480		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.7	12.5	0.00	27.60	1	Trúng tuyển	
130	TDS.01.0248	Nguyễn Quốc Đạt	22/08/2003	Nam	056203009646			406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán		Vật lí		17	0.00	17.00		Trượt	KĐKTK
131	TDS.01.0249	Nguyễn Tấn Đạt	06/08/2006	Nam	052206012331		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.8	Vật lí	9.3	12	0.23	29.33	1	Trúng tuyển	
132	TDS.01.0251	Nguyễn Thành Đạt	13/02/2006	Nam	058206007435		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	6.9	16	0.23	31.23	1	Trúng tuyển	
133	TDS.01.0252	Nguyễn Thành Đạt	14/09/2003	Nam	079203015933			406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán		Sinh học		18	0.00	18.00		Trượt	KĐKTK
134	TDS.01.0253	Nguyễn Thành Đạt	19/12/2006	Nam	054206000763		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.3	18	0.16	34.46	2	Trượt	TTTT
135	TDS.01.0255	Nguyễn Thành Đạt	26/04/2006	Nam	080206000183		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	15	0.37	32.27	2	Trượt	TTTT
136	TDS.01.0257	Nguyễn Tiến Đạt	19/07/2005	Nam	079205013677		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	4.4	GDCD	8.3	15.5	0.25	28.45	1	Trúng tuyển	
137	TDS.01.0261	Nguyễn Văn Đạt	06/10/2006	Nam	058206007799		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.3	Vật lí	7.7	16	0.47	31.47	1	Trúng tuyển	
138	TDS.01.0263	Nguyễn Viết Thành Đạt	08/08/2006	Nam	075206011415		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.9	8.5	0.25	24.45		Trượt	Điểm NK<5
139	TDS.01.0264	Nguyễn Xuân Đạt	04/02/2006	Nam	060206011823		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.3	19	0.38	34.18	1	Trúng tuyển	
140	TDS.01.0265	Phạm Phú Đạt	15/11/2006	Nam	094206000117		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.7	18	0.00	34.50	1	Trúng tuyển	
141	TDS.01.0266	Phạm Tấn Đạt	16/08/2006	Nam	074206001846		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.25	17	0.24	31.49	1	Trúng tuyển	
142	TDS.01.0268	Phan Tiến Đạt	20/01/2006	Nam	060206000278		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.2	19	0.15	35.15	1	Trúng tuyển	
143	TDS.01.0269	Phan Văn Đạt	28/03/2006	Nam	096206012674		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	8.75	13.5	0.45	30.45	2	Trượt	TTTT
144	TDS.01.0270	Tạ Thành Đạt	23/09/2005	Nam	070205000069		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.4	20	0.00	35.30	1	Trúng tuyển	
145	TDS.01.0271	Thượng Vinh Đạt	03/07/2006	Nam	083206001285		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T00	Toán	9.4	Sinh học	9.0	17	0.21	35.61	3	Trúng tuyển	
146	TDS.01.0274	Trần Thanh Đạt	30/03/2006	Nam	068206001617		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.7	16	0.54	33.14	1	Trúng tuyển	
147	TDS.01.0275	Trần Tiến Đạt	06/06/2006	Nam	079206017634		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.1	14.5	0.25	29.35		Trượt	KĐKNV
148	TDS.01.0276	Trịnh Nguyễn Quốc Đạt	04/08/2004	Nam	079204027954		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	9.5	0.00	25.80		Trượt	Điểm NK<5
149	TDS.01.0277	Trương Tiến Đạt	15/12/2006	Nam	075206011828		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.5	6.5	0.75	21.35		Trượt	Điểm NK<5
150	TDS.01.0280	Nguyễn Võ Hoàng Diễm	04/02/2006	Nữ	066306006967		1	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.8	15	0.56	32.46	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
151	TDS.01.1762	Sơn Thị Diễm	29/04/2006	Nữ	095306003127	01	1	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	7.0	20	1.93	36.68	1	Trúng tuyển	
152	TDS.01.0283	Đào Văn Nhuận Diễm	27/02/2006	Nam	083206005466		1	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.4	9	0.75	25.55		Trượt	Điểm NK<5
153	TDS.01.0284	Trần Luân Diễm	15/04/2006	Nam	079206012916		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.6	15	0.00	32.20		Trượt	KĐKNV
154	TDS.01.0285	Lâm Hồng Diệu	05/01/2006	Nữ	096306008627		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	6.1	16	0.50	30.10		Trượt	KĐKNV
155	TDS.01.0287	Từ Nguyễn Thủy Diệu	27/01/2006	Nữ	060306006471		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	9.0	20	0.18	37.43	2	Trượt	TTTTK
156	TDS.01.0288	Trần Phong Đình	23/12/2006	Nam	094206007873		1	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.25	19	0.40	35.90	1	Trúng tuyển	
157	TDS.01.0291	Huỳnh Thanh Đô	30/10/2005	Nam	086205001911		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	4.5	GDCD	8.5	18	0.50	31.50	2	Trúng tuyển	
158	TDS.01.1720	Nguyễn Trung Đoàn	07/10/2006	Nam	083206004427		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.8	19	0.52	34.82	1	Trúng tuyển	
159	TDS.01.0293	Nguyễn Vũ Đoàn	12/02/2006	Nam	096206002452		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.9	18	0.26	35.36	1	Trúng tuyển	
160	TDS.01.0295	Hoàng Phương Đông	09/12/2006	Nam	056206006895		1	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.3	20	0.41	36.31	1	Trúng tuyển	
161	TDS.01.0296	Nguyễn Văn Đông	10/09/2005	Nam	062205006877		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	7.3	19.5	0.64	34.04	1	Trúng tuyển	
162	TDS.01.0297	Nguyễn Minh Đông	28/12/2006	Nam	094206007375		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.7	17	0.50	34.00		Trượt	KĐKNV
163	TDS.01.0302	Vũ Văn Dư	13/10/2006	Nam	068206001711		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	9.0	16	0.38	32.63	1	Trúng tuyển	
164	TDS.01.0303	Danh Huỳnh Hữu Đức	30/05/2003	Nam	094203002459	06a	3	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.3	18	0.72	34.32	1	Trúng tuyển	
165	TDS.01.0305	Hoàng Minh Đức	05/03/2006	Nam	056206007395		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.6	12.5	0.75	27.05	2	Trượt	TTTTK
166	TDS.01.0306	Huỳnh Đức	14/09/2006	Nam	074206006174		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	9.5	12.5	0.43	30.18	1	Trúng tuyển	
167	TDS.01.1698	Lê Đình Đức	07/02/2006	Nam	079206033148		3	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	9.6	10.5	0.00	27.00	7	Trượt	TTTTK
168	TDS.01.0307	Lưu Lý Đức	23/12/2006	Nam	082206012815		2	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.2	18.5	0.17	34.27	1	Trúng tuyển	
169	TDS.01.0308	Nguyễn Lý Đức	13/11/2005	Nam	070205005302		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.9	18	0.22	32.62	1	Trúng tuyển	
170	TDS.01.0309	Nguyễn Ngô Tấn Đức	25/02/2006	Nam	083206001638		3	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	9.25	13.5	0.00	31.00	9	Trượt	TTTTK
171	TDS.01.1752	Nguyễn Phan Minh Đức	26/10/2006	Nam	072206010457		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	9.1	16	0.19	32.39		Trượt	KĐKNV
172	TDS.01.0310	Nguyễn Phúc Đức	13/05/2006	Nam	079206043022		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.5	12.5	0.00	29.20	1	Trúng tuyển	
173	TDS.01.0312	Trần Việt Đức	12/01/2006	Nam	068206001588		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.75	13.5	0.65	30.90	1	Trúng tuyển	
174	TDS.01.0314	Thạch Thị Mỹ Dung	21/04/2006	Nữ	084306001682	01	1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	7.5	16	2.38	33.88	1	Trúng tuyển	
175	TDS.01.0318	Lê Văn Dũng	17/03/2006	Nam	066206019760		1	406	HLTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.5	19	0.45	35.45	1	Trúng tuyển	
176	TDS.01.0320	Nguyễn Hoàng Dũng	02/02/2006	Nam	082206001091		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	9.1	17	0.34	33.74	1	Trúng tuyển	
177	TDS.01.0322	Nguyễn Như Quốc Dũng	29/11/2006	Nam	079206007696		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.1	15	0.00	32.20	1	Trúng tuyển	
178	TDS.01.0326	Nguyễn Vũ Quý Dũng	11/10/2006	Nam	068206004842		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.25	16.5	0.46	31.81	1	Trúng tuyển	
179	TDS.01.0327	Phạm Anh Dũng	10/04/2006	Nam	051206008624		2	406	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	9.4	20	0.11	36.71	1	Trúng tuyển	
180	TDS.01.0328	Phạm Tiến Dũng	30/04/2006	Nam	042206009326		2NT	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.75	20	0.20	37.20	1	Trúng tuyển	
181	TDS.01.0331	Trương Đại Dũng	22/12/2005	Nam	070205004717			406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán		Địa lí		17.5	0.00	17.50		Trượt	KĐKTK
182	TDS.01.0333	Từ Minh Dũng	06/12/2003	Nam	083203012724		3	406	HLTT	Thế dục	T05	Ngữ văn	8.3	GDCD	7.8	18	0.00	34.10	1	Trúng tuyển	
183	TDS.01.0334	Vô Tiến Dũng	30/01/2006	Nam	052206010348		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	6.5	Vật lí	6.9	18	0.50	31.90	1	Trúng tuyển	
184	TDS.01.0335	Nguyễn Ngọc Tiến Được	27/05/2006	Nam	079206028508		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.3	14	0.00	30.90	3	Trúng tuyển	
185	TDS.01.0336	Đào Đại Dương	14/02/2006	Nam	082206009330		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.5	13	0.50	28.30	1	Trúng tuyển	
186	TDS.01.0338	Kiều Anh Dương	27/09/2006	Nam	026206010954		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	18	0.18	33.68	1	Trúng tuyển	
187	TDS.01.0339	Lê Thị Thùy Dương	07/04/2006	Nữ	083306001750		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.6	18.5	0.36	34.16	2	Trúng tuyển	
188	TDS.01.0340	Mai Xuân Dương	01/07/2006	Nam	068206014894		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.25	18	0.38	35.63	1	Trúng tuyển	
189	TDS.01.0342	Nguyễn Khánh Dương	18/05/2006	Nam	096206007831		1	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	6.3	Sinh học	8.0	18	0.67	32.97	1	Trúng tuyển	
190	TDS.01.0343	Nguyễn Lê Dương	04/10/2005	Nam	068205000885		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.0	13	0.75	28.25	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
191	TDS.01.0344	Nguyễn Lê Ánh Dương	10/04/2006	Nữ	051306004189		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	18.5	0.35	34.35	1	Trúng tuyển	
192	TDS.01.0346	Nguyễn Thanh Dương	01/09/2006	Nam	079206004899		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	9.9	Địa lí	9.9	18	0.04	37.84	2	Trượt	TTTTK
193	TDS.01.0347	Trần Quốc Dương	29/10/2006	Nam	094206006269		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.0	19	0.40	35.90	1	Trúng tuyển	
194	TDS.01.0352	Đỗ Trường Duy	26/03/2006	Nam	082206000790		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	9.0	GDCD	8.75	12	0.42	30.17	1	Trúng tuyển	
195	TDS.01.1741	Đoàn Hữu Duy	24/09/2006	Nam	080206000215		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.9	14.5	0.38	31.88	1	Trúng tuyển	
196	TDS.01.0354	Huỳnh Trần Duy	16/09/2005	Nam	054205008358		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.7	17.5	0.71	32.41	2	Trượt	TTTTK
197	TDS.01.0356	Lê Quốc Duy	25/01/2006	Nam	082206006750		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.1	18	0.25	35.55	2	Trúng tuyển	
198	TDS.01.0357	Lê Thanh Duy	14/02/2006	Nam	079206003404		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.5	Địa lí	9.2	17	0.19	32.89	1	Trúng tuyển	
199	TDS.01.0360	Nguyễn Hoàng Duy	15/08/2006	Nam	060206010724		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.7	Vật lí	8.3	18	0.33	34.33	1	Trúng tuyển	
200	TDS.01.0362	Nguyễn Khánh Duy	06/05/2006	Nam	074206007993		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.5	13.5	0.43	30.68	1	Trúng tuyển	
201	TDS.01.0363	Nguyễn Lâm Hoàng Duy	10/05/2006	Nam	095206000269		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	8.4	18.5	0.19	33.79	2	Trượt	TTTTK
202	TDS.01.0365	Nguyễn Minh Duy	15/07/2006	Nam	074206001901		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.5	10.5	0.25	25.95	1	Trúng tuyển	
203	TDS.01.0367	Nguyễn Quốc Duy	07/07/2006	Nam	072206009128		2	405	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.0	Địa lí	9.25	18.5	0.15	34.90	1	Trúng tuyển	
204	TDS.01.1743	Nguyễn Quốc Duy	30/01/2006	Nam	080206013842		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.4	16.5	0.41	32.51	1	Trúng tuyển	
205	TDS.01.0368	Nguyễn Thanh Duy	23/06/2006	Nam	052206007600		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.0	20	0.13	36.23	1	Trúng tuyển	
206	TDS.01.0370	Nguyễn Trần Hữu Duy	20/06/2006	Nam	054206008848		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.5	17.5	0.15	34.45	1	Trúng tuyển	
207	TDS.01.0371	Nguyễn Triều Duy	18/05/2006	Nam	096206006607		1	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.8	19	0.39	35.99	1	Trúng tuyển	
208	TDS.01.0374	Phạm Văn Duy	10/09/2006	Nam	089206025348		2	405	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.5	20	0.14	35.89	1	Trúng tuyển	
209	TDS.01.0376	Phan Khánh Duy	18/02/2006	Nam	095206007485		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	6.8	Vật lí	7.4	19	0.42	33.62	1	Trúng tuyển	
210	TDS.01.1700	Trần Anh Duy	26/02/2006	Nam	060206009141		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.75	16	0.35	33.10	1	Trúng tuyển	
211	TDS.01.0379	Trần Khánh Duy	10/10/2004	Nam	066204014897		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	5.1	Địa lí	7.8	15	0.00	27.90	1	Trúng tuyển	
212	TDS.01.0384	Trương Quang Duy	01/07/2006	Nam	079206021213		3	405	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.25	19	0.00	34.25	1	Trúng tuyển	
213	TDS.01.0385	Võ Khánh Duy	24/06/2006	Nam	080206008381		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	7.6	20	0.43	34.03	2	Trúng tuyển	
214	TDS.01.0386	Lương Văn Phiếu Em	27/05/2006	Nam	095206007644		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.8	16	0.20	32.30		Trượt	KĐKNV
215	TDS.01.0387	Đoàn Hưng Gia	08/01/2005	Nam	074205002695		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	5.8	Địa lí	8.3	19	0.43	33.53		Trượt	KĐKTK
216	TDS.01.0390	Huỳnh Thanh Giang	15/06/2006	Nam	083206006858		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.0	15	0.41	31.71		Trượt	KĐKNV
217	TDS.01.0392	Tôn Phạm Trường Giang	24/12/2004	Nam	075204004684		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.5	16	0.45	31.65	1	Trúng tuyển	
218	TDS.01.0393	Võ Thành Giang	10/06/2006	Nam	052206009036		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.0	20	0.33	35.43	1	Trúng tuyển	
219	TDS.01.0396	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/10/2006	Nữ	075306005613		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.0	14.5	0.25	29.85	2	Trúng tuyển	
220	TDS.01.1692	Đào Thiện Hải	07/07/2006	Nam	074206000553		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	8.3	Vật lí	8.2	18.5	0.00	35.00	1	Trúng tuyển	
221	TDS.01.0398	Lê Trần Minh Hải	02/02/2006	Nam	074206006603		3	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	9.0	19	0.00	35.60	1	Trúng tuyển	
222	TDS.01.0399	Nguyễn Hữu Hải	27/11/2006	Nam	079206007492		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.8	GDCD	9.1	20	0.00	37.90	2	Trượt	TTTTK
223	TDS.01.0400	Nguyễn Minh Hải	14/05/2006	Nam	079206014408		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.9	15.5	0.46	31.26	1	Trúng tuyển	
224	TDS.01.1712	Nguyễn Tăng Chí Hải	06/12/2006	Nam	051206011770		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.2	14	0.25	28.55	1	Trúng tuyển	
225	TDS.01.0401	Nguyễn Văn Hải	20/08/2006	Nam	067206005024		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	7.9	19.5	0.61	34.31		Trượt	KĐKNV
226	TDS.01.0403	Trần Phan Thanh Hải	11/08/2006	Nam	080206001256		2	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	8.5	Địa lí	7.7	16.5	0.19	32.89	1	Trúng tuyển	
227	TDS.01.0406	Võ Trí Hải	18/02/2006	Nam	091206016229		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.0	17	0.35	33.65	1	Trúng tuyển	
228	TDS.01.0407	Đinh Thị Ngọc Hân	19/03/2006	Nữ	083306009780		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.8	Vật lí	8.8	17	0.26	34.86	2	Trúng tuyển	
229	TDS.01.0409	Nguyễn Thị Mỹ Hân	10/11/2006	Nữ	066306000942			406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn		GDCD	9	0.00	9.00		Trượt	Điểm NK<5	
230	TDS.01.0413	Nguyễn Trần Ngọc Hân	31/05/2006	Nữ	079306022910		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.25	GDCD	8.75	16	0.23	31.23	2	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đổi tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
231	TDS.01.0415	Trần Thị Ngọc Hân	24/09/2005	Nữ	087305005466		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.4	19	0.00	36.60	1	Trúng tuyển	
232	TDS.01.1727	Võ Đình Hân	10/12/2006	Nam	074206002240		3	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	9.5	12	0.00	28.40	2	Trúng tuyển	
233	TDS.01.1706	Đặng Văn Hân	18/05/2002	Nam	096202009788		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.2	17.5	0.00	32.50		Trượt	KĐKNV
234	TDS.01.0419	Thị Mỹ Hạnh	10/08/2004	Nữ	091304015968		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.6	Sinh học	8.9	16	0.65	32.15	1	Trúng tuyển	
235	TDS.01.0423	Lê Nhật Hào	27/08/2005	Nam	075205021637		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	5.6	Địa lí	7.0	17	0.50	30.10		Trượt	KĐKNV
236	TDS.01.0424	Lê Vĩnh Hào	20/11/2003	Nam	052203013955		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.6	16	0.00	30.30		Trượt	KĐKNV
237	TDS.01.0426	Nguyễn Anh Hào	24/12/1998	Nam	079098013902		3	405	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.0	17.5	0.00	31.50	1	Trúng tuyển	
238	TDS.01.0429	Nguyễn Trọng Hào	16/10/2006	Nam	075206001700		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.9	18.5	0.32	34.82	1	Trúng tuyển	
239	TDS.01.0430	Trần Nhật Hào	05/09/2004	Nam	096204014169		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.3	Sinh học	8.8	15.5	0.34	32.94	1	Trúng tuyển	
240	TDS.01.0432	Lê Hoàn Hào	13/11/2006	Nam	079206014782		3	406	HLTT	Thể dục	T00	Toán	5.8	Sinh học	9.2	17.5	0.00	32.50	4	Trúng tuyển	
241	TDS.01.1693	Phạm Nguyễn Đức Hào	08/10/2006	Nam	056206009673		1	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.2	14	0.75	29.35	2	Trượt	TTTK
242	TDS.01.0433	Ngô Chi Hạo	24/06/2006	Nam	060206005076		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	9.5	Vật lí	9.3	20	0.00	38.80	1	Trúng tuyển	
243	TDS.01.0434	Trần Nguyên Hạo	01/01/2006	Nam	058206001804		2	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	19.5	0.16	35.16	2	Trượt	TTTK
244	TDS.01.0435	Huỳnh Nguyễn Phúc Hậu	15/06/2006	Nam	083206012073		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.7	20	0.21	37.01	1	Trúng tuyển	
245	TDS.01.0436	Huỳnh Thanh Hậu	24/01/2006	Nam	089206023489		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.2	14	0.50	29.20	1	Trúng tuyển	
246	TDS.01.0439	Nguyễn Văn Hậu	25/10/2006	Nam	075206004401		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	5.8	Sinh học	8.0	20	0.41	34.21	1	Trúng tuyển	
247	TDS.01.0440	Trần Đoàn Đức Hậu	17/04/2006	Nam	079206000948		3	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.2	16	0.00	31.10	1	Trúng tuyển	
248	TDS.01.0442	Nguyễn Minh Hi	06/12/2006	Nam	075206004636		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	6.3	Vật lí	7.8	16.5	0.25	30.85	1	Trúng tuyển	
249	TDS.01.0443	Đặng Ngọc Ngoan Hiền	10/05/2006	Nữ	079306001095		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.0	19	0.00	36.20	1	Trúng tuyển	
250	TDS.01.0446	Đoàn Quang Thế Hiền	13/07/2006	Nam	082206013547		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.3	17	0.20	32.80	1	Trúng tuyển	
251	TDS.01.0447	Hoàng Thanh Hiệp	11/10/2006	Nam	046206005495		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	9.1	15.5	0.22	31.42	1	Trúng tuyển	
252	TDS.01.0448	Hoàng Thế Hiệp	02/01/2003	Nam	070203011375		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.5	18	0.00	32.70		Trượt	KĐKTK
253	TDS.01.0449	Lê Thanh Hiệp	29/01/2006	Nam	056206008868		2NT	405	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.0	19	0.35	34.60	1	Trúng tuyển	
254	TDS.01.0450	Phùng Minh Hiệp	27/11/2006	Nam	075206020905		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.5	18	0.29	34.89	1	Trúng tuyển	
255	TDS.01.0451	Trần Phước Hiệp	18/02/2006	Nam	079206041232		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	9.4	15.5	0.00	31.30	1	Trúng tuyển	
256	TDS.01.0453	Cù Huy Hiếu	10/03/2006	Nam	042206000387		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.25	GDCD	7.75	14.5	0.50	28.00	1	Trúng tuyển	
257	TDS.01.0456	Lê Ngọc Hiếu	17/07/2006	Nam	086206011182		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.3	19	0.49	32.59	2	Trúng tuyển	
258	TDS.01.0458	Lê Thúc Hiếu	05/05/2006	Nam	070206003801		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.1	16	0.20	32.30	1	Trúng tuyển	
259	TDS.01.0460	Nguyễn Nhật Dương Hiếu	21/04/2005	Nam	066205015370		1	406	HLTT	Điền kinh	T04	Toán	7.4	Vật lí	9.0	17.5	0.49	34.39		Trượt	KĐKNV
260	TDS.01.0461	Nguyễn Trung Hiếu	13/07/2006	Nam	091206001348		1	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.7	Vật lí	7.9	17	0.49	34.09	2	Trượt	TTTK
261	TDS.01.0462	Nguyễn Trung Hiếu	26/08/2006	Nam	083206001537		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.4	17	0.26	34.86	7	Trượt	TTTK
262	TDS.01.0463	Nguyễn Trung Hiếu	29/03/2006	Nam	062206007649		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	7.4	16	0.73	31.43	1	Trúng tuyển	
263	TDS.01.0465	Trần Anh Hiếu	25/05/2006	Nam	068206000527		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.4	17.5	0.32	34.22	1	Trúng tuyển	
264	TDS.01.0466	Trần Công Hiếu	10/03/2006	Nam	035206004939		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.8	Địa lí	7.8	18	0.00	31.60	1	Trúng tuyển	
265	TDS.01.0467	Trần Công Hiếu	19/07/2006	Nam	068206003405		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.5	17.5	0.22	35.72	1	Trúng tuyển	
266	TDS.01.0468	Trương Đình Hiếu	29/05/2006	Nam	080206016584		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.6	19	0.35	34.65	1	Trúng tuyển	
267	TDS.01.0469	Lê Văn Hiếu	20/09/2006	Nam	091206006106		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.3	12.5	0.50	29.10	1	Trúng tuyển	
268	TDS.01.0470	Phan Bá Hiếu	12/06/2006	Nam	045206007516		2NT	406	HLTT	Quần vợt	T05	Ngữ văn	5.1	GDCD	8.2	18.5	0.50	32.30		Trượt	KĐKNV
269	TDS.01.0471	Trần Gia Hiếu	04/06/2004	Nam	052204011073		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.2	Địa lí	7.6	17	0.00	32.80		Trượt	KĐKTK
270	TDS.01.0478	Nguyễn Văn Hòa	25/08/2005	Nam	077205012825		3	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.3	Vật lí	9.3	17	0.00	34.60	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
271	TDS.01.0481	Huỳnh Thanh Hoài	27/11/2006	Nam	096206002164		3	406	QLTDTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.1	16.5	0.00	32.60	1	Trúng tuyển	
272	TDS.01.0485	Lê Trọng Hoàng	19/06/2003	Nam	068203013108	06a	3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.2	13	1.00	29.10	1	Trúng tuyển	
273	TDS.01.1755	Mạc Văn Hoàng	13/10/2006	Nam	075206002286		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.2	17	0.19	32.99	1	Trúng tuyển	
274	TDS.01.0488	Nguyễn Huy Hoàng	14/02/2006	Nam	091206006887		2NT	406	QLTDTT	Điện kinh	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.7	10.5	0.50	27.70	1	Trúng tuyển	
275	TDS.01.0490	Nguyễn Minh Hoàng	22/11/2006	Nam	074206000888		2	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.8	18.5	0.14	35.14	2	Trúng tuyển	
276	TDS.01.0491	Nguyễn Ngọc Hoàng	01/05/2006	Nam	075206012230		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.8	15	0.37	32.37	1	Trúng tuyển	
277	TDS.01.0493	Nguyễn Thị Ngân Hoàng	10/11/2006	Nữ	087306018492		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.9	14.5	0.45	30.95	3	Trúng tuyển	
278	TDS.01.0494	Phạm Đỗ Hoàng	14/08/2006	Nam	001206040092		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.6	18	0.00	34.00		Trượt	KĐKNV
279	TDS.01.0498	Trần Tấn Hoàng	09/11/2006	Nam	064206005097		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.0	10.5	0.25	26.75		Trượt	KĐKNV
280	TDS.01.0499	Trần Thanh Minh Hoàng	25/03/2006	Nam	056206008780		1	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	7.0	14	0.75	29.00	1	Trúng tuyển	
281	TDS.01.1744	Võ Minh Hoàng	24/02/2005	Nam	077205000469		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.0	Sinh học	7.9	20	0.20	34.10	1	Trúng tuyển	
282	TDS.01.0501	Trần Trung Học	10/08/2006	Nam	064206010389		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	18.5	0.45	35.25		Trượt	KĐKNV
283	TDS.01.1728	Đỗ Thị Hồng	01/07/2006	Nữ	067306000205		2	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	6.75	13.5	0.25	28.25	1	Trúng tuyển	
284	TDS.01.0502	Vũ Văn Hợp	25/04/2006	Nam	067206003410		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.6	Vật lí	8.6	20	0.19	37.39	4	Trượt	TTTTK
285	TDS.01.0503	Cầm Thanh Hùng	14/08/2006	Nam	079206010696		3	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.3	Sinh học	7.9	18.5	0.00	33.70	1	Trúng tuyển	
286	TDS.01.0505	Huỳnh Ngọc Lâm Hùng	17/07/2006	Nam	079206021918		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.9	18	0.30	34.80	1	Trúng tuyển	
287	TDS.01.1726	Lê Văn Hùng	26/02/2006	Nam	067206003507		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.25	19.5	0.65	33.90	1	Trúng tuyển	
288	TDS.01.0508	Nguyễn Tiến Thành Hùng	20/12/2006	Nam	079206024124		3	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.8	16.5	0.00	31.70	1	Trúng tuyển	
289	TDS.01.0510	Nguyễn Xuân Hùng	28/06/2002	Nam	075202008840		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.2	11	0.00	26.10	1	Trúng tuyển	
290	TDS.01.0511	Phan Quốc Hùng	25/05/2003	Nam	094203001608			406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn		GDCD		18	0.00	18.00		Trượt	KĐKTK
291	TDS.01.0513	Trần Mạnh Hùng	14/11/2006	Nam	068206000542		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.0	18	0.34	34.24	1	Trúng tuyển	
292	TDS.01.0514	Võ Lê Phi Hùng	10/10/2006	Nam	052206008432		2	406	HLTT	Quần vợt	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.8	17.5	0.20	33.00	1	Trúng tuyển	
293	TDS.01.1753	Cao Thanh Hưng	27/02/2006	Nam	064206008387		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.4	Sinh học	6.6	16.5	0.75	30.25	1	Trúng tuyển	
294	TDS.01.0517	Nguyễn Đào Bảo Hưng	08/03/2006	Nam	064206000408		2	406	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	9.3	16.5	0.17	33.27	1	Trúng tuyển	
295	TDS.01.0520	Nguyễn Minh Hưng	20/08/2003	Nam	070203008805		3	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.9	19.5	0.00	36.30	1	Trúng tuyển	
296	TDS.01.1722	Nguyễn Minh Hưng	21/05/2006	Nam	093206004094		2	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.1	20	0.13	36.13	1	Trúng tuyển	
297	TDS.01.0524	Nguyễn Việt Hưng	17/02/2003	Nam	056203012446		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.8	15.5	0.00	30.20		Trượt	KĐKNV
298	TDS.01.0526	Trần Thúc Hưng	06/06/2006	Nam	056206005608		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	6.5	18	0.38	33.63	1	Trúng tuyển	
299	TDS.01.0527	Trịnh Gia Hưng	26/07/2006	Nam	051206008810		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.8	16	0.00	33.30	1	Trúng tuyển	
300	TDS.01.0528	Trương Đức Hưng	18/12/2006	Nam	094206012325	01	1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.5	11.5	2.75	29.25	3	Trượt	TTTTK
301	TDS.01.0530	Huỳnh Thị Nhã Hương	03/05/2006	Nữ	060306006885		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.6	18	0.33	34.33	1	Trúng tuyển	
302	TDS.01.0532	Đinh Minh Hữu	09/04/2005	Nam	070205000537		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	9.5	19.5	0.41	36.11	1	Trúng tuyển	
303	TDS.01.0534	Biện Khánh Huy	11/03/2006	Nam	054206004299		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.6	13	0.50	29.30		Trượt	KĐKNV
304	TDS.01.0535	Đàm Nhật Huy	06/01/2005	Nam	072205003933		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.0	10	0.50	27.20	1	Trúng tuyển	
305	TDS.01.0536	Đặng Lâm Tấn Huy	16/07/2005	Nam	058205007853		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.5	18	0.68	32.88	1	Trúng tuyển	
306	TDS.01.0537	Đặng Sỹ Bảo Huy	22/12/2006	Nam	068206009354		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.0	19	0.58	34.33	1	Trúng tuyển	
307	TDS.01.0539	Đinh Quang Huy	16/05/2004	Nam	075204012273		2NT	406	HLTT	Thế dục	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.4	16	0.45	31.65	1	Trúng tuyển	
308	TDS.01.0540	Đỗ Nhật Huy	06/01/2006	Nam	082206017158		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.5	16.5	0.32	33.82	1	Trúng tuyển	
309	TDS.01.0541	Đoàn Xuân Huy	10/10/2006	Nam	060206002893		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.25	16.5	0.43	32.18	1	Trúng tuyển	
310	TDS.01.0543	Hà Quốc Huy	03/08/2006	Nam	064206002067		1	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.3	16	0.73	31.43	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
311	TDS.01.0544	Hoàng Nhựt Huy	07/08/2005	Nam	086205007092		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.8	14	0.47	30.47	1	Trúng tuyển	
312	TDS.01.0547	La Gia Huy	03/08/2006	Nam	086206004396		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.9	GDCD	8.4	16	0.31	33.61	2	Trúng tuyển	
313	TDS.01.0548	Lê Hoàng Huy	16/04/2003	Nam	079203004614		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	9.2	Sinh học	9.5	18.5	0.00	37.20	1	Trúng tuyển	
314	TDS.01.0549	Lê Hoàng Huy	24/05/2006	Nam	082206008528		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.0	17.5	0.16	34.16	5	Trượt	TTTTK
315	TDS.01.0554	Lương Nguyễn Gia Huy	29/10/2006	Nam	054206007922		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	9.2	Địa lí	8.5	16	0.29	33.99	1	Trúng tuyển	
316	TDS.01.1757	Mai Như Huy	08/04/2006	Nam	033206000154		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.3	16	0.33	33.33	1	Trúng tuyển	
317	TDS.01.0555	Mai Quốc Huy	27/10/2006	Nam	054206008283		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	9.3	Địa lí	9.8	16.5	0.18	35.78	13	Trượt	TTTTK
318	TDS.01.0556	Nguyễn Đăng Nhật Huy	01/11/2006	Nam	066206004852		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.2	Địa lí	8.0	16	0.50	30.70	1	Trúng tuyển	
319	TDS.01.0558	Nguyễn Gia Huy	23/03/2004	Nam	079204000417		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.2	17	0.00	32.50	1	Trúng tuyển	
320	TDS.01.0563	Nguyễn Minh Huy	01/09/2006	Nam	075206004065		2	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.4	17	0.17	33.47	1	Trúng tuyển	
321	TDS.01.0567	Nguyễn Quốc Huy	23/10/2004	Nam	074204005276		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.5	13.5	0.00	28.50	1	Trúng tuyển	
322	TDS.01.0570	Nguyễn Trần Huy	03/12/2006	Nam	095206003749		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.8	Vật lí	6.7	17.5	0.45	32.45	1	Trúng tuyển	
323	TDS.01.1708	Nguyễn Tuấn Huy	04/01/2005	Nam	060205008081		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.2	18.5	0.41	33.51	1	Trúng tuyển	
324	TDS.01.0571	Nguyễn Văn Gia Huy	09/09/2006	Nam	046206007350		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.0	19	0.16	34.86	2	Trượt	TTTTK
325	TDS.01.0574	Phạm Huỳnh Nhật Huy	19/02/2006	Nam	079206026923		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.7	18.5	0.00	33.50	1	Trúng tuyển	
326	TDS.01.0575	Phạm Ngọc Huy	15/06/2006	Nam	070206002290		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.25	20	0.50	35.50	1	Trúng tuyển	
327	TDS.01.0576	Phạm Nguyễn Nhật Huy	12/10/2006	Nam	079206021647		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.9	GDCD	8.6	15	0.17	32.67	2	Trúng tuyển	
328	TDS.01.0577	Phạm Văn Huy	30/04/2006	Nam	049206015773		3	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.25	GDCD	9	20	0.00	35.25	3	Trượt	TTTTK
329	TDS.01.0578	Phan Đình Quốc Huy	16/01/2006	Nam	060206000540		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.5	14.5	0.44	31.14	1	Trúng tuyển	
330	TDS.01.0579	Phan Gia Huy	14/09/2006	Nam	074206002854		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.9	15.5	0.32	33.22		Trượt	KĐKNV
331	TDS.01.1729	Trần Ngô Nhật Huy	13/11/2006	Nam	075206002677		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.1	20	0.25	36.45	1	Trúng tuyển	
332	TDS.01.1715	Trần Nguyễn Khánh Huy	01/02/2006	Nam	083206002878		2NT	406	HLTT	Quần vợt	T05	Ngữ văn	8.7	GDCD	9.2	18.5	0.19	36.59		Trượt	KĐKNV
333	TDS.01.0584	Trần Võ Thế Huy	25/04/2006	Nam	056206001059		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	5.3	Địa lí	8.1	17	0.50	30.90	1	Trúng tuyển	
334	TDS.01.0585	Trang Đình Huy	05/07/2006	Nam	072206003552		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.9	Địa lí	7.7	19	0.26	35.86	1	Trúng tuyển	
335	TDS.01.1735	Trịnh Minh Huy	20/11/2006	Nam	084206008247		1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.0	16	0.50	33.50	1	Trúng tuyển	
336	TDS.01.0588	Trương Gia Huy	05/01/2006	Nam	070206001656		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	6.1	Vật lí	6.9	18	0.25	31.25		Trượt	KĐKNV
337	TDS.01.0589	Vũ Quang Huy	26/09/2006	Nam	068206012054		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	6.7	20	0.75	33.25		Trượt	KĐKNV
338	TDS.01.0590	Phạm Thành Hủy	25/07/2006	Nam	089206008342		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	8.75	15	0.20	31.70	2	Trượt	TTTTK
339	TDS.01.0593	Krã Jân K' Huynh	10/06/2006	Nữ	068306011834	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.0	19	1.61	36.71	1	Trúng tuyển	
340	TDS.01.0599	Phan Huỳnh Như Huỳnh	14/06/2006	Nữ	082306014131		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.8	18.5	0.26	35.66	1	Trúng tuyển	
341	TDS.01.0600	Tạ Thị Thúy Huỳnh	16/01/2005	Nữ	082305015941		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.6	GDCD	9.6	17.5	0.20	35.90	1	Trúng tuyển	
342	TDS.01.0601	Trần Ngọc Như Huỳnh	02/06/2006	Nữ	082306011627		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	9.25	16	0.30	33.80	1	Trúng tuyển	
343	TDS.01.0602	Lê Bình Hy	16/06/2006	Nam	056206000795		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	8.5	16	0.24	31.14	2	Trúng tuyển	
344	TDS.01.0604	Đàm Anh Kha	02/04/2006	Nam	049206012362		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.4	16	0.22	31.72	2	Trúng tuyển	
345	TDS.01.0606	Nguyễn Anh Kha	15/11/2006	Nam	060206002031		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	6.9	19	0.50	32.50		Trượt	KĐKNV
346	TDS.01.0607	Nguyễn Tuấn Kha	15/11/2006	Nam	091206017521		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.5	17.5	0.35	33.85	1	Trúng tuyển	
347	TDS.01.0608	Nguyễn Lâm Duy Khả	21/03/2005	Nam	095205009318		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.75	14	0.25	29.50	1	Trúng tuyển	
348	TDS.01.0609	Đỗ Khải	11/02/2006	Nam	089206007906		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.6	14	0.45	30.65	1	Trúng tuyển	
349	TDS.01.1695	Cao Trần Trường Khang	19/12/2005	Nam	091205009150		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.6	19.5	0.63	34.13	1	Trúng tuyển	
350	TDS.01.0614	Đặng Chí Khang	02/02/2006	Nam	096206003204		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.7	15	0.37	32.37	2	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
351	TDS.01.0616	Danh Văn Khang	18/10/2006	Nam	095206003844	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	7.8	17.5	2.59	34.29	1	Trúng tuyển	
352	TDS.01.0621	Huỳnh Phú Khang	24/05/2003	Nam	080203008107		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	7.8	15	0.00	29.20		Trượt	KĐKTK
353	TDS.01.0623	Lê Hoàng Nam Khang	27/09/2006	Nam	079206042691		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.9	17	0.00	32.30	1	Trúng tuyển	
354	TDS.01.0627	Nguyễn Duy Khang	12/01/2006	Nam	051206006226		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.1	Vật lí	9.0	10.5	0.50	27.10		Trượt	KĐKNV
355	TDS.01.0629	Nguyễn Hoàng Khang	16/01/2006	Nam	083206004858		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	9.4	14	0.42	31.12	1	Trúng tuyển	
356	TDS.01.0631	Nguyễn Phúc Khang	28/09/2006	Nam	072206011461		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	6.1	Vật lí	7.7	18	0.24	32.04	1	Trúng tuyển	
357	TDS.01.0632	Nguyễn Thành Khang	09/03/2006	Nam	089206006310		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	8.0	Địa lí	7.9	19.5	0.29	35.69	1	Trúng tuyển	
358	TDS.01.0636	Phan Phạm Huỳnh Khang	11/09/2006	Nam	095206002569		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.9	12.5	0.69	30.09	5	Trúng tuyển	
359	TDS.01.0638	Thái Minh Khang	30/10/2006	Nam	075206001537		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.2	16.5	0.37	33.07	1	Trúng tuyển	
360	TDS.01.0642	Trần Phúc Khang	29/09/2006	Nam	079206036679		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	9.2	Địa lí	9.3	11	0.20	29.70	2	Trúng tuyển	
361	TDS.01.0643	Trương Vi Khang	27/06/2006	Nam	083206002682		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.8	Sinh học	9.6	18	0.17	36.57	2	Trúng tuyển	
362	TDS.01.0644	Võ Duy Khang	29/09/2003	Nam	080203008232		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	9.0	Vật lí	9.1	18.5	0.00	36.60	1	Trúng tuyển	
363	TDS.01.0649	Phan Tuấn Khanh	25/12/2006	Nam	089206002881		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.4	11.5	0.49	28.89	2	Trúng tuyển	
364	TDS.01.0651	Dương Đăng Khánh	06/05/2006	Nam	058206001439		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.9	15	0.18	32.28	1	Trúng tuyển	
365	TDS.01.0652	Huỳnh Quang Khánh	09/08/2006	Nam	079206018635		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.0	Vật lí	6.7	14.5	0.25	28.45	1	Trúng tuyển	
366	TDS.01.0659	Nguyễn Quốc Khánh	02/02/2006	Nam	040206020769		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.3	18.5	0.18	34.08	1	Trúng tuyển	
367	TDS.01.0662	Phan Duy Khánh	20/02/2006	Nam	083206005476		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	9.7	10	0.48	28.28	1	Trúng tuyển	
368	TDS.01.0666	Võ Duy An Khánh	09/07/2005	Nam	080205008345		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.8	11	0.25	26.45	1	Trúng tuyển	
369	TDS.01.0667	Võ Trần Quốc Khánh	02/09/2006	Nam	075206004438		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.1	14.5	0.45	30.95	1	Trúng tuyển	
370	TDS.01.0672	Phạm Hoàng Khiêm	21/11/2006	Nam	095206004988		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.0	Địa lí	8.0	18.5	0.45	32.95	1	Trúng tuyển	
371	TDS.01.0673	Trần Đình Khiêm	26/11/2003	Nam	079203033568		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	9.0	15.5	0.00	30.80	1	Trúng tuyển	
372	TDS.01.0675	Đặng Anh Khoa	11/04/2006	Nam	079206020703		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.8	12.5	0.00	29.00	1	Trúng tuyển	
373	TDS.01.0680	Lê Phạm Anh Khoa	25/05/2006	Nam	068206009481		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.6	17.5	0.32	34.22	1	Trúng tuyển	
374	TDS.01.0682	Nguyễn Anh Khoa	11/09/2006	Nam	067206000518		1	405	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	9.0	12.5	0.75	29.45	1	Trúng tuyển	
375	TDS.01.0684	Nguyễn Đăng Khoa	12/07/2006	Nam	087206012628		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.2	17.5	0.14	34.84	1	Trúng tuyển	
376	TDS.01.0685	Nguyễn Đăng Khoa	27/02/2006	Nam	091206012521		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	6.75	16	0.50	30.00	2	Trúng tuyển	
377	TDS.01.0686	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	07/02/2006	Nam	079206018892		3	406	QLTDTT	Võ thuật	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.4	16	0.00	32.00	2	Trúng tuyển	
378	TDS.01.0687	Nguyễn Huỳnh Thanh Khoa	08/04/2006	Nam	058206000892		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.9	18	0.14	35.04	1	Trúng tuyển	
379	TDS.01.0689	Nguyễn Tấn Anh Khoa	04/08/2006	Nam	094206009453		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.4	19	0.27	35.67	1	Trúng tuyển	
380	TDS.01.0692	Phạm Nguyễn Việt Khoa	22/02/2006	Nam	048206007509		3	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	8.0	Địa lí	8.1	18	0.00	34.10	1	Trúng tuyển	
381	TDS.01.0694	Trần Đăng Khoa	22/03/2006	Nam	089206019304		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.7	Sinh học	8.6	17	0.42	34.72	2	Trúng tuyển	
382	TDS.01.0698	Võ Trần Anh Khoa	12/01/2006	Nam	079206029871		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.0	Vật lí	9.5	18.5	0.14	35.14	1	Trúng tuyển	
383	TDS.01.0699	Võ Tuấn Khoa	05/11/2006	Nam	079206010041		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.1	Vật lí	7.4	17	0.20	32.70	1	Trúng tuyển	
384	TDS.01.0700	Vương Anh Khoa	15/07/2006	Nam	068206002186		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.3	14.5	0.40	31.60	2	Trượt	TITK
385	TDS.01.0708	Nguyễn Duy Khôi	04/10/2006	Nam	060206000456		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.4	19	0.37	34.27	1	Trúng tuyển	
386	TDS.01.0710	Nguyễn Minh Khôi	18/12/2006	Nam	079206012282		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán		Sinh học		9	0.00	9.00		Trượt	Điểm NK<5
387	TDS.01.0716	Ngô Hoàng Khương	15/07/2006	Nam	096206003380		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.5	17.5	0.37	33.62	1	Trúng tuyển	
388	TDS.01.0717	Lê Trung Kiên	02/09/2006	Nam	052206011512		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.2	18.5	0.32	34.82	2	Trúng tuyển	
389	TDS.01.0718	Lê Trung Kiên	14/11/2006	Nam	058206001499		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.4	16.5	0.25	30.65	1	Trúng tuyển	
390	TDS.01.0719	Nguyễn Ngọc Kiên	30/09/2003	Nam	052203009390		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	8.1	18	0.00	32.40		Trượt	KĐKNV

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
391	TDS.01.0721	Nguyễn Trung Kiên	17/05/2006	Nam	060206004491		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.3	18	0.41	33.21	1	Trúng tuyển	
392	TDS.01.0722	Nguyễn Trung Kiên	27/03/2006	Nam	075206020276		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.5	Vật lí	8.3	20	0.14	35.94		Trượt	KĐKNV
393	TDS.01.0726	Đỗ Văn Tuấn Kiệt	22/08/2006	Nam	092206012800		3	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.8	6	0.00	20.80		Trượt	Điểm NK<5
394	TDS.01.0730	Nguyễn Minh Kiệt	10/03/2006	Nam	083206004135		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.9	18	0.31	34.61	1	Trúng tuyển	
395	TDS.01.0732	Nguyễn Quốc Kiệt	12/12/2006	Nam	083206009095		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.7	18	0.39	33.59	1	Trúng tuyển	
396	TDS.01.0737	Trần Gia Kiệt	23/02/2006	Nam	060206001786		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.25	20	0.25	36.50	1	Trúng tuyển	
397	TDS.01.0739	Trần Văn Kiệt	02/09/2006	Nam	052206007404		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.8	17.5	0.38	33.38	1	Trúng tuyển	
398	TDS.01.0741	Võ Phan Tuấn Kiệt	08/07/2006	Nam	082206010334		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.1	Vật lí	9.0	20	0.13	36.23	1	Trúng tuyển	
399	TDS.01.0743	Lê Anh Kỳ	04/04/2006	Nam	064206011846		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.5	Sinh học	8.8	19.5	0.40	36.20	5	Trượt	TITK
400	TDS.01.0746	Trịnh Bá Kỳ	01/03/2006	Nam	082206013708		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.7	Vật lí	8.2	16.5	0.16	33.56	1	Trúng tuyển	
401	TDS.01.0747	Huỳnh Thiện Ngọc Kỳ	04/03/1998	Nam	060098007657		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.8	18	0.00	34.70		Trượt	KĐKTK
402	TDS.01.0750	Đặng Hoàng Lâm	22/01/2006	Nam	075206002063		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.1	14.5	0.42	31.42	1	Trúng tuyển	
403	TDS.01.0754	Nguyễn Thái Lâm	15/02/2006	Nam	082206000903		2	405	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	9.25	16	0.19	32.64	1	Trúng tuyển	
404	TDS.01.0755	Rơ Chăm Lê Tùng Lâm	24/08/2005	Nam	064205016055	01	1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	7.0	18	2.48	34.73	1	Trúng tuyển	
405	TDS.01.0756	Trần Hải Lâm	09/02/2004	Nam	074204001677		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	6.9	15.5	0.25	30.65	1	Trúng tuyển	
406	TDS.01.0757	Trần Huỳnh Lâm	26/01/2006	Nam	095206008227		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	6.3	Vật lí	7.9	12.5	0.50	27.20		Trượt	KĐKNV
407	TDS.01.0758	Trần Nhật Lâm	22/10/2003	Nam	095203000815	03d	3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.9	17	1.52	34.32	2	Trúng tuyển	
408	TDS.01.0761	Nguyễn Thị Phương Lan	19/12/2006	Nữ	058306000993	06b	2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.25	15.5	1.25	31.50	1	Trúng tuyển	
409	TDS.01.0762	Châu Phát Lập	20/11/2006	Nam	082206001554		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.75	16	0.38	32.63	30	Trượt	TITK
410	TDS.01.0767	Dương Thùy Linh	18/12/2006	Nữ	095306006383		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.5	19	0.27	35.77	1	Trúng tuyển	
411	TDS.01.0772	Huỳnh Khánh Linh	25/04/2005	Nam	072205000486		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T00	Toán	6.1	Sinh học	7.8	18.5	0.46	32.86	2	Trúng tuyển	
412	TDS.01.0774	Lê Quang Linh	06/11/2006	Nam	026206011669		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.75	18	0.38	33.63	2	Trúng tuyển	
413	TDS.01.0779	Nguyễn Thị Trúc Linh	09/07/2006	Nữ	084306005098	01	1	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	9.5	GDCD	9.0	16.5	1.19	36.19	1	Trúng tuyển	
414	TDS.01.0782	Trương Hoài Linh	25/06/2006	Nữ	079306017680		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	9.5	20	0.00	38.00	2	Trượt	TITK
415	TDS.01.1713	Mai Trần Lộc	21/01/2006	Nam	068206001680		1	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.0	16.5	0.65	32.40	1	Trúng tuyển	
416	TDS.01.0786	Nguyễn Huỳnh Lộc	29/03/2006	Nam	077206006992		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.2	Địa lí	7.2	18	0.25	31.65	1	Trúng tuyển	
417	TDS.01.0787	Nguyễn Phát Lộc	31/03/2002	Nam	075202003428		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.7	15	0.00	31.30	1	Trúng tuyển	
418	TDS.01.0791	Nguyễn Xuân Lộc	19/07/2005	Nam	066205000787		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.2	19	0.65	33.65	1	Trúng tuyển	
419	TDS.01.0793	Phạm Bá Lộc	19/09/1999	Nam	093099003356		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.7	Vật lí	7.3	17.5	0.00	32.50	1	Trúng tuyển	
420	TDS.01.0794	Phạm Hữu Lộc	26/10/2006	Nam	079206029780		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.2	17	0.00	33.60	2	Trúng tuyển	
421	TDS.01.0796	Phạm Tuấn Lộc	30/11/2006	Nam	096206009949		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.25	17	0.35	33.60	1	Trúng tuyển	
422	TDS.01.0797	Phùng Tấn Lộc	26/03/2005	Nam	068205014196		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.7	Địa lí	7.1	15	0.25	29.05	1	Trúng tuyển	
423	TDS.01.0799	Lê Duy Lợi	26/09/2006	Nam	080206012247		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.9	Sinh học	9.0	17	0.24	35.14	1	Trúng tuyển	
424	TDS.01.0800	Nguyễn Đình Tiến Lợi	18/07/2006	Nam	034206009023		2NT	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.0	20	0.20	37.20	1	Trúng tuyển	
425	TDS.01.0802	Đỗ Thành Long	19/06/2006	Nam	072206007587		2	406	QLTDTT	Cầu lông	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.0	15.5	0.25	29.75	1	Trúng tuyển	
426	TDS.01.0803	Hoàng Bảo Long	17/06/2006	Nam	075206004701		2	406	HLTT	Quần vợt	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.7	18.5	0.13	35.43	1	Trúng tuyển	
427	TDS.01.0804	Hoàng Tiến Long	04/10/2006	Nam	072206003992		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	5.7	Sinh học	8.3	15.5	0.50	30.00	2	Trúng tuyển	
428	TDS.01.0805	Lê Hoàng Long	02/10/2006	Nam	079206008623		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.7	12	0.00	27.80	1	Trúng tuyển	
429	TDS.01.0806	Lê Hoàng Phi Long	20/02/2006	Nam	051206008800			405	HLTT	Bóng đá	T04	Toán		Vật lí		9	0.00	9.00		Trượt	Điểm NK<5
430	TDS.01.0808	Lê Thành Long	11/12/2006	Nam	074206004270		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.25	16	0.35	33.10	1	Trúng tuyển	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
431	TDS.01.0809	Nguyễn Đức Long	17/05/2004	Nam	077204000897		3	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.4	Vật lí	9.4	16	0.00	33.80	1	Trúng tuyển	
432	TDS.01.0810	Nguyễn Đức Long	24/01/2006	Nam	079206025576		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	6.7	Địa lí	8.1	20	0.00	34.80	1	Trúng tuyển	
433	TDS.01.0811	Nguyễn Hữu Hoàng Long	26/01/2005	Nam	070205010093		2	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.1	18.5	0.15	34.95	1	Trúng tuyển	
434	TDS.01.0813	Nguyễn Phi Long	23/08/2005	Nam	089205007235		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.1	18	0.15	34.75	1	Trúng tuyển	
435	TDS.01.0815	Phạm Đức Long	14/08/2006	Nam	068206007045		1	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	7.4	18.5	0.70	33.00	1	Trúng tuyển	
436	TDS.01.0819	Trà Hoàng Long	03/07/2006	Nam	079206009213		3	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	10	12	0.00	29.50	1	Trúng tuyển	
437	TDS.01.0822	Chung Chấn Luân	12/01/2006	Nam	094206004329	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	9.3	Sinh học	8.6	16.5	1.41	35.81	1	Trúng tuyển	
438	TDS.01.0825	Ngô Văn Gia Luân	26/07/2006	Nam	046206004066		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.8	16	0.48	31.28	1	Trúng tuyển	
439	TDS.01.0826	Nguyễn Hữu Luân	07/09/2006	Nam	060206001840		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.25	19	0.65	33.70	1	Trúng tuyển	
440	TDS.01.0827	Nguyễn Hữu Luân	13/10/2006	Nam	082206017614		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.1	17	0.33	33.93	1	Trúng tuyển	
441	TDS.01.0828	Nguyễn Minh Luân	19/08/2005	Nam	087205002524		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.6	19.5	0.17	34.77	1	Trúng tuyển	
442	TDS.01.0829	Nguyễn Phi Luân	17/01/2006	Nam	052206005721		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.8	19	0.35	34.65	1	Trúng tuyển	
443	TDS.01.0831	Võ Đình Luân	20/04/2006	Nam	060206009994		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.25	17	0.40	32.90	1	Trúng tuyển	
444	TDS.01.0833	Võ Thành Luân	24/04/2006	Nam	068206009858		2	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.2	13.5	0.25	28.45	2	Trúng tuyển	
445	TDS.01.0835	Vương Cao Bá Luân	02/08/2004	Nam	080204003156		3	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.8	Vật lí	8.7	18	0.00	34.50	2	Trúng tuyển	
446	TDS.01.0837	Lê Đại Lực	22/10/2006	Nam	094206009846		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.5	18	0.65	33.15	2	Trúng tuyển	
447	TDS.01.0839	Nguyễn Duy Lượng	10/04/2006	Nam	064206003454		1	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.4	20	0.36	36.76	1	Trúng tuyển	
448	TDS.01.0840	Lê Huỳnh Vạn Lữ	25/01/2005	Nam	094205001735		1	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	9.0	20	0.43	36.18	1	Trúng tuyển	
449	TDS.01.0845	Neáng Pho Ly	02/11/2006	Nữ	089306021030	01	1	405	YSHDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	9.25	20	1.10	38.10	1	Trúng tuyển	
450	TDS.01.0848	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	22/03/2006	Nữ	036306013609		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	8.25	17.5	0.53	34.03	1	Trúng tuyển	
451	TDS.01.1707	Dương Chí Mãi	15/04/2006	Nam	096206002593		1	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.2	17.5	0.63	33.13	1	Trúng tuyển	
452	TDS.01.0849	Trần Thị Ngọc Mãi	17/06/2006	Nữ	080306012848		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T04	Toán	9.9	Vật lí	9.5	16.5	0.16	36.06		Trượt	KĐKNV
453	TDS.01.0851	Đặng Thê Mạnh	09/03/2006	Nam	052206006610			406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán		Địa lí	9.5	0.00	9.50		Trượt	Điểm NK<5	
454	TDS.01.1704	Lưu Gia Mạnh	10/10/2006	Nam	096206010781		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.4	13	0.50	28.50	1	Trúng tuyển	
455	TDS.01.0853	Nguyễn Mạnh	23/09/2003	Nam	051203005881		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.4	19	0.00	36.50	1	Trúng tuyển	
456	TDS.01.0857	Phạm Đức Mạnh	23/12/2006	Nam	079206018282		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.4	16.5	0.00	32.00	1	Trúng tuyển	
457	TDS.01.1745	Bùi Công Minh	27/03/2006	Nam	062206008649	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.3	GDCD	7.8	20	2.53	35.63	1	Trúng tuyển	
458	TDS.01.0860	Bùi Xuân Minh	17/09/2006	Nam	079206046880		3	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	8.7	Vật lí	9.5	15.5	0.00	33.70	1	Trúng tuyển	
459	TDS.01.0861	Cao Duy Minh	22/12/2006	Nam	056206009382		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.6	Địa lí	7.8	17.5	0.25	31.15	1	Trúng tuyển	
460	TDS.01.0863	Đoàn Lê Minh	15/06/2006	Nam	079206031526		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.5	Địa lí	8.9	16.5	0.15	34.05	2	Trúng tuyển	
461	TDS.01.0865	Huỳnh Hiếu Minh	26/10/2006	Nam	087206003161		2NT	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.4	Địa lí	8.8	18.5	0.30	35.00	1	Trúng tuyển	
462	TDS.01.0866	Kim Hoàng Minh	13/02/2006	Nam	094206014981	01	1	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.0	19.5	2.29	35.79	1	Trúng tuyển	
463	TDS.01.0868	Lê Đức Minh	24/08/2006	Nam	089206001734		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.75	10.5	0.50	27.75	4	Trượt	TTTK
464	TDS.01.0870	Lê Nhật Minh	16/04/2006	Nam	086206007206		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.7	18	0.21	32.91	1	Trúng tuyển	
465	TDS.01.0871	Nguyễn Ánh Minh	30/06/2006	Nam	060206011962		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.5	17	0.32	34.07	1	Trúng tuyển	
466	TDS.01.0873	Nguyễn Đức Minh	25/12/2006	Nam	070206001398		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.0	18	0.23	32.23	1	Trúng tuyển	
467	TDS.01.0875	Nguyễn Ngọc Minh	18/10/2006	Nam	082206012480		2NT	406	QLTDTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.9	15	0.47	30.87		Trượt	KĐKNV
468	TDS.01.1754	Nguyễn Ngọc Ánh Minh	24/09/2006	Nữ	058306002317		2	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.0	17	0.24	31.44	1	Trúng tuyển	
469	TDS.01.0876	Nguyễn Tuấn Minh	10/08/2006	Nam	075206006433		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	7.6	15.5	0.24	30.74	1	Trúng tuyển	
470	TDS.01.0878	Tăng Nguyễn Quang Minh	13/06/2006	Nam	077206002188		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.1	17	0.43	32.43	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
471	TDS.01.0879	Trần Công Minh	30/07/2006	Nam	068206006140		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.6	Địa lí	9.2	17.5	0.15	34.45	1	Trúng tuyển	
472	TDS.01.0880	Trần Hoàng Minh	06/06/2006	Nam	077206011541		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.1	18	0.18	33.88	1	Trúng tuyển	
473	TDS.01.0883	Trương Quang Minh	11/10/2006	Nam	051206010341		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.7	17.5	0.20	32.90	1	Trúng tuyển	
474	TDS.01.0884	Trương Từ Minh	07/02/2006	Nam	060206013788		2	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.25	GD CD	9.25	18.5	0.14	35.14	1	Trúng tuyển	
475	TDS.01.0885	Võ Công Minh	05/11/2006	Nam	089206001699		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.5	GD CD	8.5	17	0.30	34.30	4	Trượt	TITK
476	TDS.01.0889	Huỳnh Ngọc Hải My	20/06/2005	Nữ	079305035543		2	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.2	Sinh học	9.8	16	0.13	34.13	1	Trúng tuyển	
477	TDS.01.0894	Đặng Ái Mỹ	08/09/2006	Nữ	089306000158		3	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	9.0	Vật lí	9.4	18.5	0.00	36.90	1	Trúng tuyển	
478	TDS.01.0896	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	11/06/2006	Nữ	086306008626		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	9.0	Địa lí	9.0	19	0.17	37.17	1	Trúng tuyển	
479	TDS.01.0897	Trần Thị Ly Na	14/08/2006	Nữ	064306015980		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.3	GD CD	8.3	18	0.36	33.96	1	Trúng tuyển	
480	TDS.01.0898	A Hoài Nam	20/06/2006	Nam	062206007805	01	1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GD CD	9.25	19	1.74	36.49	1	Trúng tuyển	
481	TDS.01.0899	Cao Tiến Nam	18/04/2006	Nam	074206001469		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.25	GD CD	8.0	16.5	0.18	32.93	1	Trúng tuyển	
482	TDS.01.0900	Đinh Việt Nam	30/06/2006	Nam	067206004229	01	1	405	HLTT	Bóng Chuyền	T05	Ngữ văn	6.5	GD CD	8.0	16.5	2.66	33.66	3	Trượt	TITK
483	TDS.01.0903	Lê Ngọc Nam	30/07/2006	Nam	077206005705		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.6	16.5	0.31	33.91	1	Trúng tuyển	
484	TDS.01.0905	Nguyễn Hoài Nam	18/06/2006	Nam	089206000284		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GD CD	7.9	18.5	0.38	33.88		Trượt	KĐKNV
485	TDS.01.0906	Nông Nguyễn Phương Nam	06/09/2006	Nam	070206004968	06a	2	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.6	19.5	0.86	35.46	1	Trúng tuyển	
486	TDS.01.0908	Phan Nhứt Nam	12/04/2006	Nam	079206035183		2	406	YSHD TT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.3	18.5	0.11	36.01	1	Trúng tuyển	
487	TDS.01.0910	Trần Phan Thành Nam	02/01/2006	Nam	060206004730		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.6	16	0.50	30.40	1	Trúng tuyển	
488	TDS.01.0913	Vũ Hải Nam	31/10/2005	Nam	074205001186	06b	2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.8	Địa lí	8.3	20	1.18	35.28	1	Trúng tuyển	
489	TDS.01.0914	Võ Lê Khải Năng	07/12/2006	Nam	091206015470		1	406	YSHD TT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.6	18.5	0.38	35.88	2	Trượt	TITK
490	TDS.01.0918	Bảo Trúc Ngân	16/07/2006	Nữ	075306007563	01	1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GD CD	8.75	17	2.11	34.86	2	Trượt	TITK
491	TDS.01.0919	Châu Hoàng Ngân	30/05/2006	Nam	083206001505		1	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	6.9	Địa lí	9.0	20	0.41	36.31	1	Trúng tuyển	
492	TDS.01.0920	Đặng Thị Thanh Ngân	08/09/2006	Nữ	075306005152		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.1	GD CD	9.7	17	0.38	33.18		Trượt	KĐKNV
493	TDS.01.0922	Huỳnh Ngân	02/05/2006	Nữ	070306010080		2NT	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.25	GD CD	7.75	17.5	0.42	32.92	1	Trúng tuyển	
494	TDS.01.0923	Huỳnh Ngọc Tuyết Ngân	04/02/2006	Nữ	079306042121		3	406	QLT DTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.8	GD CD	8.3	20	0.00	35.10	2	Trượt	TITK
495	TDS.01.0930	Trần Thị Kim Ngân	24/06/2005	Nữ	060305001571		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.0	GD CD	8.75	18	0.42	33.17	2	Trúng tuyển	
496	TDS.01.0931	Trần Thị Phương Ngân	10/04/2006	Nữ	082306000611		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	9.1	Sinh học	9.0	17	0.23	35.33	8	Trượt	TITK
497	TDS.01.0932	Trần Thị Thảo Ngân	23/08/2004	Nữ	082304013287		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.0	GD CD	9.3	16	0.00	33.30	2	Trúng tuyển	
498	TDS.01.0934	Từ Thị Trúc Ngân	07/01/2006	Nữ	070306002972		1	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.0	Vật lí	8.6	18	0.54	34.14	1	Trúng tuyển	
499	TDS.01.0935	Huỳnh Thiên Bảo Nghi	07/06/2006	Nữ	079306011363		2	406	YSHD TT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.6	GD CD	8.5	18	0.13	35.23	5	Trúng tuyển	
500	TDS.01.1746	Lê Huỳnh Khánh Nghi	13/12/2006	Nữ	094306001275		2NT	405	HLTT	Bóng bàn	T05	Ngữ văn	7.5	GD CD	6.75	16.5	0.50	31.25	1	Trúng tuyển	
501	TDS.01.0937	Trần Kiệt Nghi	25/03/2006	Nữ	074306000440		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GD CD	9.25	15	0.19	31.94	2	Trượt	TITK
502	TDS.01.0940	Huỳnh Hữu Nghĩa	01/03/2004	Nam	054204009155		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.7	Sinh học	8.7	12.5	0.00	27.90	1	Trúng tuyển	
503	TDS.01.0941	Nguyễn Mậu Đỗ Thành Nghĩa	23/09/2006	Nam	051206003967		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.9	GD CD	8.9	16	0.41	32.21	1	Trúng tuyển	
504	TDS.01.0943	Nguyễn Trung Nghĩa	20/04/2006	Nam	077206009664		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.3	20	0.17	37.67	1	Trúng tuyển	
505	TDS.01.0945	Nông Tấn Nghĩa	22/12/2006	Nam	066206013820		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.5	16	0.54	33.14	1	Trúng tuyển	
506	TDS.01.0946	Võ Đại Nghĩa	05/09/2006	Nam	060206010269		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.1	17	0.35	33.65	3	Trúng tuyển	
507	TDS.01.0947	Nguyễn Đoàn Hoàng Nghiêm	11/04/2005	Nam	079205010439		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.2	19	0.17	34.47	1	Trúng tuyển	
508	TDS.01.0948	Nguyễn Minh Nghiêm	24/08/2004	Nam	074204006297		3	406	HLTT	Quần vợt	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.2	17.5	0.00	32.30		Trượt	KĐKTK
509	TDS.01.0949	Ka Nghin	29/03/2006	Nữ	068306002342	06a	2NT	405	HLTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GD CD	9.0	19.5	0.75	36.75	1	Trúng tuyển	
510	TDS.01.0950	Hà Nguyễn Thế Ngọc	20/11/2006	Nam	082206001870		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.5	GD CD	7.75	18	0.32	34.57	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
511	TDS.01.0952	Lê Bích Ngọc	16/08/2006	Nữ	068306014283		1	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	6.9	Sinh học	7.5	20	0.56	34.96	1	Trúng tuyển	
512	TDS.01.0953	Lê Hoài Ngọc	26/04/2004	Nữ	094304002619		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.8	18	0.00	34.30	1	Trúng tuyển	
513	TDS.01.0956	Nguyễn Lê Minh Ngọc	11/02/2006	Nữ	079306019818		3	406	QLTDTT	Võ thuật	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.2	20	0.00	36.70	1	Trúng tuyển	
514	TDS.01.0958	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/10/2006	Nữ	080306010610		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.8	15	0.48	30.78	1	Trúng tuyển	
515	TDS.01.0959	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	15/10/2006	Nữ	094306015296		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.75	16	0.43	31.93	1	Trúng tuyển	
516	TDS.01.0961	Phạm Phương Ngọc	10/07/2006	Nữ	070306001482		2	406	YSHTDTT	Võ thuật	T00	Toán	7.4	Sinh học	7.9	17	0.21	32.51	4	Trúng tuyển	
517	TDS.01.0963	Trần Thị Bích Ngọc	13/05/2006	Nữ	082306016893		2NT	406	QLTDTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.9	17	0.33	33.83	1	Trúng tuyển	
518	TDS.01.0965	Cao Xuân Nguyên	28/06/2006	Nam	040206000396		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	6.6	Vật lí	6.6	17	0.75	30.95	1	Trúng tuyển	
519	TDS.01.0967	Đặng Thanh Nguyên	14/08/2006	Nam	091206012902		1	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.0	17	0.50	34.00	2	Trúng tuyển	
520	TDS.01.0970	Đoàn Khôi Nguyên	26/12/2006	Nam	079206043976		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.0	15.5	0.00	32.50	2	Trúng tuyển	
521	TDS.01.0972	Lê Nguyễn Văn Nguyên	16/09/2006	Nam	051206000432		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.0	19	0.15	35.25	1	Trúng tuyển	
522	TDS.01.0973	Lê Võ Thị Kim Nguyên	08/02/2006	Nữ	060306005084		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	7.7	17.5	0.62	33.22	1	Trúng tuyển	
523	TDS.01.0978	Nguyễn Duy Nguyên	13/11/2005	Nam	066205012553		1	406	HLTT	Thế dục	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.3	18	0.45	34.95	1	Trúng tuyển	
524	TDS.01.1740	Nguyễn Khánh Nguyên	01/02/2006	Nam	080206013517		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.9	10.5	0.50	26.40	1	Trúng tuyển	
525	TDS.01.0980	Nguyễn Ngọc Thái Nguyên	12/09/2004	Nam	056204000675		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.3	18	0.00	32.50	1	Trúng tuyển	
526	TDS.01.0981	Nguyễn Tất Nguyên	27/03/2006	Nam	087206000920		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.8	18.5	0.13	35.53	1	Trúng tuyển	
527	TDS.01.0982	Nguyễn Thị Kim Nguyên	04/12/2006	Nữ	077306007215		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	9.3	Vật lí	9.5	20	0.08	38.88	1	Trúng tuyển	
528	TDS.01.0983	Thần Trọng Nguyên	25/08/2006	Nam	051206000586		1	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.75	18	0.43	35.18	6	Trượt	TTTTK
529	TDS.01.0988	Đinh Thị Ánh Nguyệt	11/01/2006	Nữ	060306010079		2NT	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.25	16.5	0.45	31.95	1	Trúng tuyển	
530	TDS.01.1696	Nguyễn Thanh Nhã	12/08/2006	Nam	096206011640		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.8	19	0.46	35.36	2	Trúng tuyển	
531	TDS.01.0990	Đỗ Thị Thanh Nhân	15/02/2005	Nữ	074305009742		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.7	GDCD	9.1	14.5	0.33	32.63	1	Trúng tuyển	
532	TDS.01.0991	Đinh Trọng Nhân	26/11/2006	Nam	079206027888		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.6	GDCD	8.8	18	0.12	35.52	1	Trúng tuyển	
533	TDS.01.0992	Dương Văn Nhân	09/04/2006	Nam	052206016087		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.3	16.5	0.36	33.26	1	Trúng tuyển	
534	TDS.01.0994	Khuất Ngọc Nhân	07/01/2006	Nam	070206003894		2NT	406	YSHTDTT	Bơi lội	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.1	17.5	0.44	32.54	1	Trúng tuyển	
535	TDS.01.0997	Nguyễn Ngọc Nhân	19/01/2006	Nam	058206000519		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	6.1	Vật lí	6.8	15.5	0.25	28.65	3	Trúng tuyển	
536	TDS.01.0998	Nguyễn Thành Nhân	20/06/2006	Nam	074206000171		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	7.75	17	0.47	31.97	1	Trúng tuyển	
537	TDS.01.1000	Nguyễn Trần Thiên Nhân	13/10/2006	Nam	089206017082		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.6	Vật lí	9.1	17	0.25	34.95		Trượt	KĐKNV
538	TDS.01.1001	Nguyễn Trung Nhân	14/06/2006	Nam	054206008381		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	9.1	17.5	0.19	33.39	1	Trúng tuyển	
539	TDS.01.1002	Phạm Thành Nhân	06/09/2005	Nam	031205006470		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.5	18	0.29	34.89	1	Trúng tuyển	
540	TDS.01.1003	Phan Thành Nhân	13/12/2006	Nam	079206012986		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.9	16.5	0.00	32.70	1	Trúng tuyển	
541	TDS.01.1004	Trang Danh Nhân	12/11/2006	Nam	079206019124		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.5	16	0.15	33.75	2	Trúng tuyển	
542	TDS.01.1751	Võ Thành Nhân	15/11/2001	Nam	084201007341		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.7	Sinh học	9.4	18.5	0.00	35.60		Trượt	KĐKTK
543	TDS.01.1006	Hồ Ngọc Nhật	10/11/2006	Nam	086206001559		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	8.3	15	0.00	29.10	1	Trúng tuyển	
544	TDS.01.1007	K' Nhật	05/11/2006	Nam	068206008265	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.0	Sinh học	8.0	16	2.57	33.57	1	Trúng tuyển	
545	TDS.01.1010	Ngô Minh Nhật	31/05/2006	Nam	095206007410		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.9	17	0.33	33.93	1	Trúng tuyển	
546	TDS.01.1011	Nguyễn Long Nhật	17/03/2006	Nam	040206003405		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.8	Vật lí	7.6	17	0.41	32.81		Trượt	KĐKNV
547	TDS.01.1012	Sơn Minh Nhật	17/03/2006	Nam	094206008628	01	1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	6.0	15	2.75	31.00	3	Trượt	TTTTK
548	TDS.01.1015	Dương Nguyễn Yến Nhi	24/06/2006	Nữ	044306005265		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.8	16	0.00	33.50	2	Trúng tuyển	
549	TDS.01.1022	Phùng Xuân Nhi	03/07/2005	Nữ	079305007589		2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.4	15.5	0.20	32.00	3	Trượt	TTTTK
550	TDS.01.1023	Trần Thị Yến Nhi	03/06/2006	Nữ	083306010279		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	9.1	19	0.36	36.26	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đổi trạng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
551	TDS.01.1024	Vũ Thị Yến Nhi	14/01/2006	Nữ	037306006503		2	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.75	19	0.12	36.12	1	Trúng tuyển	
552	TDS.01.1026	Nguyễn Thành Nhơn	02/01/2006	Nam	054206001869		2	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.9	15.5	0.17	32.87	2	Trượt	TTTK
553	TDS.01.1029	Lê Hoàng Mộng Như	15/10/2006	Nữ	082306003300		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.0	16.5	0.48	31.48	1	Trúng tuyển	
554	TDS.01.1031	Lê Thị Huỳnh Như	05/01/2004	Nữ	082304007743		3	406	HLTT	Võ thuật	T00	Toán	8.1	Sinh học	7.9	16	0.00	32.00	2	Trúng tuyển	
555	TDS.01.1033	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	21/05/2006	Nữ	074306000012		3	405	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.75	14.5	0.00	30.50	1	Trúng tuyển	
556	TDS.01.1037	Lâm Thị Tuyết Nhung	22/10/2005	Nữ	083305011626		2NT	406	QLTDTT	Võ thuật	T06	Toán	9.5	Địa lí	9.4	17	0.17	36.07	1	Trúng tuyển	
557	TDS.01.1038	Bùi Minh Nhựt	29/04/2006	Nam	089206013660		2NT	405	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	7.75	18.5	0.32	34.82	1	Trúng tuyển	
558	TDS.01.1042	Lê Minh Nhựt	01/01/2006	Nam	079206008680		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	7.1	Vật lí	8.5	13.5	0.00	29.10		Trượt	KĐKNV
559	TDS.01.1697	Lưu Huỳnh Minh Nhựt	05/11/2006	Nam	079206044856		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.9	GDCD	8.7	15.5	0.00	30.10		Trượt	KĐKNV
560	TDS.01.1044	Nguyễn Minh Nhựt	04/02/2005	Nam	089205024935		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	6.6	Vật lí	8.3	17	0.44	32.34	1	Trúng tuyển	
561	TDS.01.1046	Tân Nguyễn Anh Nhựt	28/07/2006	Nam	079206015929		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.3	18.5	0.00	34.50	1	Trúng tuyển	
562	TDS.01.1052	Bùi Kim Oanh	05/12/2006	Nữ	093306003766		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.5	20	0.00	36.60	1	Trúng tuyển	
563	TDS.01.1053	Võ Công Đăng Pha	19/01/2006	Nam	083206000311		2NT	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.5	17	0.29	34.49	1	Trúng tuyển	
564	TDS.01.1055	Bùi Tiến Phát	11/03/2006	Nam	072206001255		2	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	9.2	18.5	0.18	34.08	1	Trúng tuyển	
565	TDS.01.1056	Châu Thiện Phát	10/06/2006	Nam	079206030412		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.4	17	0.25	30.95	1	Trúng tuyển	
566	TDS.01.1057	Hồ Tấn Phát	29/04/2006	Nam	082206004078		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.6	9	0.00	24.40		Trượt	Điểm NK<5
567	TDS.01.1058	Huỳnh Minh Phát	19/01/2006	Nam	082206013291		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.3	16.5	0.20	32.60	2	Trúng tuyển	
568	TDS.01.1059	Lâm Thành Phát	28/04/2005	Nam	082205009025		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.2	Sinh học	7.6	16	0.25	30.05	1	Trúng tuyển	
569	TDS.01.1060	Lê Huỳnh Phát	11/08/2006	Nam	092206014305		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.2	16.5	0.23	31.53	1	Trúng tuyển	
570	TDS.01.1061	Lê Quốc Phát	22/10/2006	Nam	056206004775		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.8	18.5	0.17	34.47	1	Trúng tuyển	
571	TDS.01.1064	Mai Xuân Phát	22/10/2006	Nam	072206004487		2NT	406	HLTT	Bóng bàn	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.4	18.5	0.18	36.68	1	Trúng tuyển	
572	TDS.01.1065	Nguyễn Hoàng Phát	29/07/2006	Nam	082206011982		2NT	406	YSHTDTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.7	16	0.47	31.47	1	Trúng tuyển	
573	TDS.01.1066	Nguyễn Tấn Phát	12/08/2006	Nam	080206000774		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.5	16.5	0.13	34.53		Trượt	KĐKNV
574	TDS.01.1067	Nguyễn Tấn Phát	16/02/2006	Nam	089206012850		1	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.9	Vật lí	7.7	2.5	0.75	18.85		Trượt	Điểm NK<5
575	TDS.01.1714	Phạm Hồng Phát	11/02/2006	Nam	083206012142		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.9	18	0.31	34.71	1	Trúng tuyển	
576	TDS.01.1077	Nguyễn Mạnh Phi	08/04/2006	Nam	066206011553		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.2	20	0.35	36.85	2	Trúng tuyển	
577	TDS.01.1079	Đỗ Thanh Phong	06/11/2005	Nam	068205001727			406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán		Vật lí		7	0.00	7.00		Trượt	Điểm NK<5
578	TDS.01.1081	Nguyễn Bá Phong	01/01/2006	Nam	068206010069		2	405	HLTT	Quần vợt	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.5	18.5	0.21	33.21	1	Trúng tuyển	
579	TDS.01.1084	Nguyễn Tuấn Phong	25/10/2006	Nam	040206007192		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.0	20	0.00	37.70	1	Trúng tuyển	
580	TDS.01.1694	Phạm Thanh Phong	03/01/2006	Nam	072206001113		2NT	406	HLTT	Thể dục	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.4	18	0.21	36.11	2	Trúng tuyển	
581	TDS.01.1085	Phan Xuân Phong	31/01/2006	Nam	052206010669		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.6	20	0.14	35.94	1	Trúng tuyển	
582	TDS.01.1086	Tạ Đình Phong	27/05/2006	Nam	026206004283		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.1	19.5	0.00	35.90	1	Trúng tuyển	
583	TDS.01.1089	Trương Hoài Phong	16/04/2006	Nam	066206000672		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	5.7	Địa lí	8.3	17.5	0.48	31.98		Trượt	KĐKNV
584	TDS.01.1756	Vũ Nam Phong	08/09/2006	Nam	022206002579		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.8	Địa lí	9.3	20	0.00	38.10		Trượt	KĐKNV
585	TDS.01.1090	Dương Minh Phú	14/06/2006	Nam	079206034318	06a	3	406	HLTT	Quần vợt	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.3	16	0.71	33.41	1	Trúng tuyển	
586	TDS.01.1091	Dương Thanh Phú	19/01/2006	Nam	094206012229	01	1	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.25	13.5	2.75	31.75	1	Trúng tuyển	
587	TDS.01.1093	Nguyễn Đặng Gia Phú	15/02/2006	Nam	086206009757		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.1	18	0.16	34.26	1	Trúng tuyển	
588	TDS.01.1747	Nguyễn Gia Phú	12/12/2001	Nam	052201010002		3	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.3	18	0.00	31.40		Trượt	KĐKTK
589	TDS.01.1094	Nguyễn Ngọc Minh Phú	04/03/2005	Nam	079205022631		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.4	17	0.21	32.51	2	Trúng tuyển	
590	TDS.01.1097	Trương Trần Phú	03/10/2006	Nam	096206005046		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.2	16.5	0.36	33.16	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
591	TDS.01.1100	La Văn Phúc	30/07/2006	Nam	052206004564		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.4	17	0.18	33.18		Trượt	KĐKNV
592	TDS.01.1730	Lê Gia Phúc	24/06/2006	Nam	074206008692		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.7	Địa lí	9.0	18	0.14	34.84	1	Trúng tuyển	
593	TDS.01.1101	Lê Hoàng Phúc	31/10/2004	Nam	079204020414		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.9	Vật lí	9.3	18.5	0.00	36.70	1	Trúng tuyển	
594	TDS.01.1102	Lê Trọng Phúc	03/02/2006	Nam	082206014316		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	8.7	17.5	0.00	34.70	2	Trúng tuyển	
595	TDS.01.1105	Nguyễn Đăng Gia Phúc	17/04/2006	Nam	079206010641		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.2	15.5	0.18	32.48	3	Trúng tuyển	
596	TDS.01.1108	Nguyễn Hoàng Phúc	18/01/2005	Nam	082205000633		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	9.0	19	0.20	36.70	1	Trúng tuyển	
597	TDS.01.1109	Nguyễn Hoàng Phúc	30/09/2006	Nam	093206007145		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	9.3	18	0.13	35.23	1	Trúng tuyển	
598	TDS.01.1111	Nguyễn Hồng Phúc	02/08/2006	Nam	079206034069		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.6	Địa lí	9.4	17	0.00	35.00	1	Trúng tuyển	
599	TDS.01.1113	Nguyễn Phan Hồng Phúc	18/01/2006	Nam	058206007223		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	9.6	19	0.00	36.50	1	Trúng tuyển	
600	TDS.01.1115	Nguyễn Trọng Phúc	24/01/2006	Nam	089206009784		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.0	14.5	0.38	31.88	3	Trúng tuyển	
601	TDS.01.1759	Nguyễn Văn Phúc	06/11/2006	Nam	087206005812		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.7	Vật lí	8.8	17.5	0.25	35.25	2	Trúng tuyển	
602	TDS.01.1118	Phạm Trường Phúc	03/06/2006	Nam	068206015046		1	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.4	15.5	0.58	32.58	1	Trúng tuyển	
603	TDS.01.1120	Phu Ban Thiên Phúc	13/09/2006	Nam	075206017883	06a	2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	5.9	Sinh học	8.0	15	1.25	30.15	1	Trúng tuyển	
604	TDS.01.1121	Trần Anh Phúc	22/08/2006	Nam	056206001624		2	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.7	13.5	0.25	29.05	3	Trúng tuyển	
605	TDS.01.1122	Trần Đình Phúc	08/10/2006	Nam	072206007859		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	9.1	Địa lí	8.9	10	0.47	28.47	3	Trượt	TTTK
606	TDS.01.1124	Trần Hữu Phúc	27/10/2006	Nam	089206001599		2NT	405	HLTT	Thế dục	T05	Ngữ văn	7.41	GDCD	9.25	18	0.29	34.95	1	Trúng tuyển	
607	TDS.01.1125	Trần Quang Phúc	30/06/2006	Nam	060206007439		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	9.25	18	0.10	36.10	1	Trúng tuyển	
608	TDS.01.1128	Lê Dương Đức Phụng	16/07/2006	Nam	074206006285		2	405	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.5	17.5	0.17	33.77	1	Trúng tuyển	
609	TDS.01.1758	Hà Văn Phước	11/06/2006	Nam	082206005206		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.8	17.5	0.30	34.60	1	Trúng tuyển	
610	TDS.01.1129	Nguyễn Hoàng Duy Phước	02/01/2006	Nam	062206000754		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.3	Sinh học	8.1	16.5	0.21	32.11	1	Trúng tuyển	
611	TDS.01.1130	Nguyễn Trọng Phước	27/09/2006	Nam	087206003021		2NT	406	QLTDTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.3	GDCD	8.4	18	0.29	34.99	4	Trúng tuyển	
612	TDS.01.1132	Hồng Nguyễn Hoài Phương	10/06/2006	Nữ	060306002631		1	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.5	17.5	0.68	32.68	1	Trúng tuyển	
613	TDS.01.1133	Lê Huỳnh Trúc Phương	07/05/2006	Nữ	070306001586		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.25	GDCD	7.75	18	0.23	32.23	1	Trúng tuyển	
614	TDS.01.1705	Lưu Đức Phương	14/11/2006	Nam	038206009634		2NT	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	7.0	17.5	0.40	33.15	4	Trúng tuyển	
615	TDS.01.1134	Phạm Nhật Phương	29/10/2006	Nam	066206017295		1	405	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.8	Địa lí	6.75	15.5	0.75	30.80	1	Trúng tuyển	
616	TDS.01.1135	Trần Nguyễn Đình Phương	24/10/2005	Nam	077205008530		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.4	17	0.42	32.62	1	Trúng tuyển	
617	TDS.01.1137	Trịnh Xuân Phương	11/09/2006	Nam	066206014002		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.75	16.5	0.60	32.85	1	Trúng tuyển	
618	TDS.01.1138	Võ Đình Phương	08/06/2006	Nam	051206009240		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	9.1	15	0.24	30.54		Trượt	KĐKNV
619	TDS.01.1139	Hứa Trương Quan	24/10/2006	Nam	079206009448	06a	3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	9.6	Địa lí	10	18.5	0.15	38.25	1	Trúng tuyển	
620	TDS.01.1140	Nguyễn Đỗ Minh Quan	07/03/2003	Nam	079203026682		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.1	Địa lí	9.4	16	0.00	33.50		Trượt	KĐKTK
621	TDS.01.1141	Trần Nguyên Quán	18/02/2006	Nam	079206026730		3	406	HLTT	Vật – Judo	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	8.5	18	0.00	32.80	1	Trúng tuyển	
622	TDS.01.1142	Đình Hoàng Quán	08/01/2006	Nam	079206028685		3	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.5	18.5	0.00	33.80	1	Trúng tuyển	
623	TDS.01.1145	Đỗ Anh Quân	02/10/2004	Nam	052204007066		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.4	16	0.00	31.90	1	Trúng tuyển	
624	TDS.01.1147	Đoàn Minh Quân	26/09/2006	Nam	068206004324		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.75	18	0.38	33.73	1	Trúng tuyển	
625	TDS.01.1149	Hồ Quốc Quân	02/10/2006	Nam	052206013801		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.7	GDCD	8.8	13	0.50	28.00		Trượt	KĐKNV
626	TDS.01.1150	Hoàng Hùng Quân	08/06/2006	Nam	068206001753		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.2	17	0.21	32.51	1	Trúng tuyển	
627	TDS.01.1153	Lê Minh Quân	20/06/2006	Nam	079206004064		2	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	6.2	Vật lí	7.6	17.5	0.25	31.55	1	Trúng tuyển	
628	TDS.01.1157	Nguyễn Bá Quân	08/08/2003	Nam	040203006435		3	406	HLTT	Bóng Chuyền	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.8	19	0.00	36.00		Trượt	KĐKTK
629	TDS.01.1158	Nguyễn Hải Quân	22/02/2006	Nam	087206012351		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.9	Địa lí	9.3	20	0.28	37.48	1	Trúng tuyển	
630	TDS.01.1162	Nguyễn Minh Quân	19/08/2006	Nam	066206016969		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.6	16	0.39	32.59		Trượt	KĐKNV

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
631	TDS.01.1163	Phạm Hoàng Quân	17/09/2006	Nam	074206010221		2NT	405	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.0	20	0.23	36.73	1	Trúng tuyển	
632	TDS.01.1164	Trần Anh Quân	22/03/2006	Nam	079206027121		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.8	18	0.00	34.00	1	Trúng tuyển	
633	TDS.01.1168	Đoàn Văn Quang	18/08/2005	Nam	077205005719		2	406	YSHTDTT	Bóng đá	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.6	14	0.21	31.01	1	Trúng tuyển	
634	TDS.01.1169	Lục Đăng Quang	29/08/2006	Nam	070206012065	06a	2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.7	17	0.77	34.67	3	Trúng tuyển	
635	TDS.01.1719	Nguyễn Đăng Quang	24/02/2006	Nam	067206005592		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.8	Vật lí	6.1	17.5	0.74	32.14	1	Trúng tuyển	
636	TDS.01.1170	Nguyễn Ngọc Minh Quang	22/05/2006	Nam	075206013884		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.7	18	0.24	35.64	2	Trúng tuyển	
637	TDS.01.1717	Nguyễn Ngọc Minh Quang	25/12/2006	Nam	079206027240		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	9.3	16	0.00	31.40	1	Trúng tuyển	
638	TDS.01.1171	Nguyễn Thiên Quang	24/12/2006	Nam	054206000356		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.4	17.5	0.32	34.32	1	Trúng tuyển	
639	TDS.01.1173	Phùng Thanh Quang	04/06/2006	Nam	051206005918		2NT	406	HLTT	Thế dục	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.4	16.5	0.31	33.91	1	Trúng tuyển	
640	TDS.01.1174	Tăng Huỳnh Quang	19/05/2006	Nam	095206002983		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.5	20	0.30	37.30	3	Trúng tuyển	
641	TDS.01.1178	Lương Nhất Quý	20/05/2006	Nam	052206001270		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	7.6	17	0.25	31.25	1	Trúng tuyển	
642	TDS.01.1179	Nguyễn Hoàng Quý	26/06/2006	Nam	094206005171		1	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	9.7	Địa lí	9.1	18	0.22	37.02	1	Trúng tuyển	
643	TDS.01.1181	Kim Ngọc Quý	17/02/2006	Nam	084206007270	01	1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	9.0	GDCD	7.25	18	1.74	35.99	1	Trúng tuyển	
644	TDS.01.1182	Phạm Trọng Quý	01/01/2004	Nam	083204013255		3	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	8.4	Địa lí	7.2	18.5	0.00	34.10		Trượt	KĐKNV
645	TDS.01.1184	Chung Ái Quốc	24/01/2005	Nam	079205010824		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.9	20	0.00	36.30	2	Trúng tuyển	
646	TDS.01.1188	Lê Thiên Quốc	20/03/2004	Nam	025204003322		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.0	17	0.00	33.20	1	Trúng tuyển	
647	TDS.01.1189	Nguyễn Đình Quốc	04/07/2006	Nam	052206013818		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.8	16.5	0.33	33.63	1	Trúng tuyển	
648	TDS.01.1191	Nguyễn Long Thế Quý	24/04/2006	Nam	083206005035		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.7	Địa lí	7.9	17	0.39	32.99	1	Trúng tuyển	
649	TDS.01.1193	Lê Văn Quý	22/03/2006	Nam	051206000105		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.5	Sinh học	9.2	20	0.08	37.78	2	Trượt	TTTT
650	TDS.01.1194	Nguyễn Anh Quý	29/01/2006	Nam	093206001957		2NT	405	QLTDTT	Điện kinh	T06	Toán	6.0	Địa lí	7.75	19	0.45	33.20	3	Trúng tuyển	
651	TDS.01.1196	Nguyễn Văn Quý	05/07/2006	Nam	066206009859		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.3	Sinh học	7.4	18	0.73	32.43	2	Trúng tuyển	
652	TDS.01.1197	Nguyễn Xuân Quý	16/01/2006	Nam	079206022306		3	406	HLTT	Bóng rổ	T04	Toán	8.2	Vật lí	9.8	17.5	0.00	35.50	1	Trúng tuyển	
653	TDS.01.1198	Phạm Phú Quý	29/05/2006	Nam	075206009944		2	406	HLTT	Cờ vua	T00	Toán	8.8	Sinh học	8.2	19	0.12	36.12	1	Trúng tuyển	
654	TDS.01.1204	Trần Bảo Quyền	10/12/2005	Nữ	089305004996		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.7	17.5	0.17	33.87	1	Trúng tuyển	
655	TDS.01.1205	Trần Thị Tố Quyền	04/06/2006	Nữ	094306015322		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.8	GDCD	8.5	18	0.25	35.55	1	Trúng tuyển	
656	TDS.01.1207	Nguyễn Ngọc Quyết	14/01/2006	Nam	051206010348		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.8	20	0.35	35.05	1	Trúng tuyển	
657	TDS.01.1208	Phạm Văn Quyết	13/10/2005	Nam	037205006393		2	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	7.9	18	0.24	31.94	1	Trúng tuyển	
658	TDS.01.1209	Đak Rong Quỳnh	31/07/2006	Nam	068206008466	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.4	Vật lí	7.3	19	2.13	35.83	1	Trúng tuyển	
659	TDS.01.1211	Hà Như Quỳnh	17/07/2006	Nữ	064306006023		3	406	QLTDTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.9	18.5	0.00	33.70	1	Trúng tuyển	
660	TDS.01.1215	Kră Jân Ha Mis Ra	13/02/2005	Nam	068205001829	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.8	GDCD	7.8	20	2.35	35.95		Trượt	KĐKTK
661	TDS.01.1216	Dương Thanh Sam	14/09/2006	Nam	058206007171		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	5.4	Địa lí	7.5	10.5	0.75	24.15		Trượt	KĐKNV
662	TDS.01.1222	Nguyễn Đức Sang	21/05/2006	Nam	058206002405		2NT	406	HLTT	Điện kinh	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.9	19	0.39	33.99	3	Trượt	TTTT
663	TDS.01.1224	Nguyễn Trần Vĩnh Sang	12/03/2006	Nam	082206006668		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.7	Địa lí	8.8	15.5	0.16	33.16	1	Trúng tuyển	
664	TDS.01.1226	Nguyễn Tuấn Sang	26/01/2006	Nam	070206000787		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.2	Sinh học	7.7	20	0.17	35.07		Trượt	KĐKNV
665	TDS.01.1739	Phùng Thanh Sang	20/07/2005	Nam	075205023077		2	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	7.2	Vật lí	8.4	18	0.18	33.78		Trượt	KĐKTK
666	TDS.01.1228	Trần Sang	25/07/2002	Nam	080202011223		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	7.8	20	0.00	34.60		Trượt	KĐKTK
667	TDS.01.1231	Chung Mậu Sinh	08/11/2006	Nam	077206011493	06a	2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.6	Vật lí	7.2	17.5	1.29	33.59	1	Trúng tuyển	
668	TDS.01.1235	Lâm Sơ	28/02/2006	Nam	070206010879	06a	2	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.2	Sinh học	7.8	16.5	1.13	32.63	1	Trúng tuyển	
669	TDS.01.1236	Dương Trường Sơn	15/08/2006	Nam	054206003491		2	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.8	Vật lí	9.4	17	0.11	35.31	1	Trúng tuyển	
670	TDS.01.1237	Kon Sa Ha Hoàng Sơn	26/01/2006	Nam	068206009064	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	8.0	Sinh học	7.8	20	1.54	37.34	2	Trượt	TTTT

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
671	TDS.01.1239	Nguyễn Hà Sơn	30/06/2006	Nam	079206001823		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.3	18.5	0.00	34.70	1	Trúng tuyển	
672	TDS.01.1243	Vương Thanh Sơn	25/01/2006	Nam	089206002732		1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.75	18.5	0.45	35.20	1	Trúng tuyển	
673	TDS.01.1244	Tô Văn Sử	06/03/2006	Nam	095206004806		1	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	8.1	Địa lí	8.6	15.5	0.56	32.76	1	Trúng tuyển	
674	TDS.01.1248	Cao Bá Tài	24/01/2006	Nam	095206000970		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	6.75	16	0.48	31.23	3	Trượt	TTTT
675	TDS.01.1251	Đặng Huỳnh Đức Tài	01/12/2005	Nam	093205006634		2	406	YSHTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.7	11.5	0.25	27.75	1	Trúng tuyển	
676	TDS.01.1255	Lê Xuân Tài	27/01/2005	Nam	074205001994			406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán		Sinh học		16.5	0.00	16.50		Trượt	KĐKTK
677	TDS.01.1257	Lý Quốc Phúc Tài	17/12/2006	Nam	064206010337		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	8.0	18	0.19	33.39	1	Trúng tuyển	
678	TDS.01.1261	Nguyễn Công Tài	25/04/2006	Nam	075206009574		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.0	Vật lí	8.7	16	0.35	33.05	1	Trúng tuyển	
679	TDS.01.1263	Nguyễn Minh Tài	09/06/2006	Nam	082206016397		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.6	15.5	0.17	32.87		Trượt	KĐKNV
680	TDS.01.1264	Nguyễn Phát Tài	29/08/2006	Nam	091206011703		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.6	17	0.39	32.99	1	Trúng tuyển	
681	TDS.01.1266	Nguyễn Thành Tài	13/05/2006	Nam	070206011120		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.5	Địa lí	6.8	16.5	0.25	30.05	1	Trúng tuyển	
682	TDS.01.1267	Phan Phúc Tài	04/07/1997	Nam	079097014250		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6.2	GDCD	7.1	19	0.00	32.30		Trượt	KĐKTK
683	TDS.01.1268	Trương Anh Tài	03/07/2006	Nam	060206008558		2	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	8.0	Sinh học	8.2	18.5	0.15	34.85	1	Trúng tuyển	
684	TDS.01.1270	Võ Văn Tài	02/09/2005	Nam	087205003550		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.6	Vật lí	9.1	17	0.25	34.95		Trượt	KĐKTK
685	TDS.01.1271	Đặng Ngọc Quốc Tâm	17/02/2005	Nam	077205003018		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T04	Toán	8.2	Vật lí	8.4	19.5	0.24	36.34	1	Trúng tuyển	
686	TDS.01.1272	Đinh Minh Tâm	01/09/2006	Nam	052206013760	06a	2NT	406	YSHTDTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.2	11	1.50	28.40	1	Trúng tuyển	
687	TDS.01.1274	Lê Đình Tâm	06/02/2004	Nam	038204008738		3	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	6.4	Sinh học	7.6	19.5	0.00	33.50		Trượt	KĐKTK
688	TDS.01.1276	Nguyễn Thị Hồng Tâm	20/03/2006	Nữ	052306007308		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.1	17	0.23	31.83	1	Trúng tuyển	
689	TDS.01.1278	Vương Lâm Khánh Tâm	30/05/2006	Nam	079206003446		3	406	HLTT	Thể dục	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.3	18	0.00	34.80	3	Trúng tuyển	
690	TDS.01.1279	Bùi Hữu Tân	31/12/2005	Nam	052205006387		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.6	Sinh học	7.7	20	0.19	34.49	1	Trúng tuyển	
691	TDS.01.1280	Dương Thanh Tân	04/02/2003	Nam	093203006515		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.7	Sinh học	8.8	19	0.00	35.50		Trượt	KĐKTK
692	TDS.01.1281	Nguyễn Hoàng Thanh Tân	22/03/2006	Nam	079206023474		3	406	HLTT	Quần vợt	T00	Toán	8.7	Sinh học	9.1	16	0.00	33.80	1	Trúng tuyển	
693	TDS.01.1282	Trần Lê Thiên Tân	15/03/2005	Nam	095205006524		1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.5	18	0.40	35.40	1	Trúng tuyển	
694	TDS.01.1283	Dương Quốc Tấn	21/09/2006	Nam	072206004374		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	9.0	17	0.16	33.76	1	Trúng tuyển	
695	TDS.01.1284	Lê Châu Tấn	28/09/2006	Nam	096206005992		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.7	17	0.43	32.43		Trượt	KĐKNV
696	TDS.01.1285	Đào Duy Thái	15/11/2006	Nam	052206008667		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.0	17.5	0.38	33.48	1	Trúng tuyển	
697	TDS.01.1286	Lâm Văn Thái	07/04/2006	Nam	094206011678	01	1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.4	GDCD	8.7	17	2.35	34.45	1	Trúng tuyển	
698	TDS.01.1287	Lê Trần Quốc Thái	07/07/2006	Nam	044206000060		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.3	Vật lí	7.0	17	0.24	31.54	1	Trúng tuyển	
699	TDS.01.1288	Nguyễn Bình Thái	11/08/2006	Nam	074206003645		2	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.5	19	0.10	36.60	1	Trúng tuyển	
700	TDS.01.1290	Nguyễn Hữu Thái	10/03/2006	Nam	080206004154		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	9.2	GDCD	9.1	17.5	0.20	36.00	1	Trúng tuyển	
701	TDS.01.1291	Nguyễn Phạm Hoàng Thái	17/01/2005	Nam	082205002054		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	9.4	Sinh học	9.5	10	0.00	28.90	1	Trúng tuyển	
702	TDS.01.1293	Nguyễn Quốc Thái	01/01/2006	Nam	095206005743		2NT	406	HLTT	Điền kinh	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.4	19	0.16	37.26	1	Trúng tuyển	
703	TDS.01.1295	Phạm Hồng Thái	09/06/2006	Nam	091206012443		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.2	Địa lí	8.9	18	0.39	35.49	1	Trúng tuyển	
704	TDS.01.1296	Phạm Quốc Thái	17/01/2006	Nam	077206001623		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.0	17	0.37	33.37	1	Trúng tuyển	
705	TDS.01.1297	Thiếu Văn Thái	22/07/2000	Nam	042200007235		3	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.2	18.5	0.00	32.70	1	Trúng tuyển	
706	TDS.01.1301	Cao Đức Thắng	23/05/2006	Nam	060206011104		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	8.3	Địa lí	7.6	16	0.41	32.31	2	Trúng tuyển	
707	TDS.01.1302	Đặng Đức Thắng	30/04/2000	Nam	056200004759		3	406	YSHTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	8.9	Vật lí	7.5	17	0.00	33.40	1	Trúng tuyển	
708	TDS.01.1304	Hà Trọng Thắng	15/06/2006	Nam	052206004089		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	7.6	16.5	0.44	32.14	1	Trúng tuyển	
709	TDS.01.1725	Hoàng Văn Thắng	19/07/2006	Nam	075206000123		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.5	Vật lí	7.1	4.5	0.50	19.60		Trượt	Điểm NK<5
710	TDS.01.1311	Lê Trí Thanh	24/09/2006	Nam	052206002840		2	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	6.5	Địa lí	8.2	16	0.24	30.94		Trượt	KĐKNV

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
711	TDS.01.1312	Nguyễn Huệ Thanh	11/06/2006	Nam	079206031437		2	406	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.3	Địa lí	9.4	18.5	0.14	35.34	1	Trúng tuyển	
712	TDS.01.1313	Phạm Bá Thanh	20/02/2006	Nam	062206000099		1	406	HLTT	Bóng bàn	T00	Toán	8.2	Sinh học	8.1	19.5	0.40	36.20	5	Trúng tuyển	
713	TDS.01.1316	Trương Thanh Thanh	10/12/2006	Nữ	075306016050		2	406	HLTT	Thẻ đục	T04	Toán	8.4	Vật lí	8.7	20	0.10	37.20	1	Trúng tuyển	
714	TDS.01.1318	Đinh Lê Trung Thành	29/12/2000	Nam	079200011838		3	406	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.4	Địa lí	8.5	18	0.00	34.90	1	Trúng tuyển	
715	TDS.01.1319	Hoàng Quốc Thành	14/10/2006	Nam	068206012601		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.2	15	0.49	30.59	1	Trúng tuyển	
716	TDS.01.1320	Huỳnh Bửu Thành	15/06/2005	Nam	074205005753		2	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.7	18.5	0.15	34.85		Trượt	KĐKNV
717	TDS.01.1321	Ngô Tấn Thành	03/09/2006	Nam	072206006795		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.2	14	0.50	28.60	2	Trúng tuyển	
718	TDS.01.1322	Nguyễn Đức Thành	15/06/2006	Nam	035206000806		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.4	16	0.24	31.04	1	Trúng tuyển	
719	TDS.01.1323	Nguyễn Dương Tiến Thành	19/06/2006	Nam	075206016533		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	9.0	15.5	0.42	31.92	1	Trúng tuyển	
720	TDS.01.1324	Nguyễn Hữu Thành	18/03/2006	Nam	074206006516		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.0	16	0.00	31.90	1	Trúng tuyển	
721	TDS.01.1325	Nguyễn Ngọc Thành	09/12/2006	Nam	067206005851			406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán		Địa lí		19	0.00	19.00		Trượt	KĐKNV
722	TDS.01.1329	Võ Công Thành	03/05/2002	Nam	052202007134		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.5	17.5	0.00	32.50	1	Trúng tuyển	
723	TDS.01.1330	Võ Công Thành	18/10/2006	Nam	094206004456		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.1	Sinh học	8.5	16.5	0.34	33.44	2	Trúng tuyển	
724	TDS.01.1331	Bùi Nguyễn Thanh Thảo	27/07/2006	Nữ	083306012605		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.8	16.5	0.34	33.54		Trượt	KĐKNV
725	TDS.01.1333	Nguyễn Đặng Thu Thảo	09/09/2002	Nữ	052302013747		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.7	Sinh học	7.6	19	0.00	34.30	1	Trúng tuyển	
726	TDS.01.1338	Phạm Ngọc Thảo	27/07/2006	Nữ	068306004989		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	8.3	17	0.60	33.10		Trượt	KĐKNV
727	TDS.01.1760	Phạm Thị Thanh Thảo	04/08/2006	Nữ	079306016557		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	9.7	18	0.00	34.80	7	Trượt	TTTT
728	TDS.01.1339	Trần Thanh Thảo	05/06/2006	Nam	084206005564		1	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.7	16	0.70	31.70		Trượt	KĐKNV
729	TDS.01.1341	Võ Thị Phương Thảo	04/06/2006	Nữ	054306001208		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	8.0	Địa lí	9.7	15.5	0.30	33.50	1	Trúng tuyển	
730	TDS.01.1342	Vũ Thị Thanh Thảo	08/10/2006	Nữ	034306010246		2	406	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.9	16	0.16	33.36	1	Trúng tuyển	
731	TDS.01.1343	Huỳnh Quang Thát	03/07/2005	Nam	052205010532		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	8.5	Sinh học	8.8	18	0.25	35.55	1	Trúng tuyển	
732	TDS.01.1344	Nguyễn Khắc Thát	09/06/2006	Nam	068206005195		1	405	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.8	Sinh học	7.75	18.5	0.62	33.67	1	Trúng tuyển	
733	TDS.01.1345	Đỗ Thanh Thề	26/08/2006	Nam	064206000472		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.2	Địa lí	7.8	17	0.65	32.65	1	Trúng tuyển	
734	TDS.01.1346	Lê Văn Thêm	24/01/2006	Nam	084206011001		1	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.6	Vật lí	9.3	16.5	0.39	34.79	1	Trúng tuyển	
735	TDS.01.1348	Lê Thị Hồng Thi	23/08/2006	Nữ	083306000800		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	8.4	Địa lí	9.0	19.5	0.10	37.00	1	Trúng tuyển	
736	TDS.01.1349	Nguyễn Anh Thi	05/05/2005	Nam	087205001969		2	406	QLTDTT	Cầu lông	T06	Toán	9.1	Địa lí	8.9	16	0.13	34.13	1	Trúng tuyển	
737	TDS.01.1351	Lê Hữu Thuận Thiên	28/11/2006	Nam	042206011638		3	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	7.2	Sinh học	6.9	18	0.00	32.10	1	Trúng tuyển	
738	TDS.01.1352	Nguyễn Hồ Ngọc Thiên	08/04/2006	Nam	054206010438		2	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	7.5	Địa lí	9.0	19.5	0.13	36.13	1	Trúng tuyển	
739	TDS.01.1355	Trần Triệu Thiên	03/07/2006	Nam	089206001301		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	6.75	16.5	0.25	31.00	1	Trúng tuyển	
740	TDS.01.1750	Võ Hoàng Thiên	26/11/2001	Nam	084201003381		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.1	19	0.00	34.00		Trượt	KĐKNV
741	TDS.01.1356	Đinh Thân Thiện	25/09/2006	Nam	079206039574		3	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.3	20	0.00	35.30	1	Trúng tuyển	
742	TDS.01.1734	Kim Hoàng Thiện	07/05/2006	Nam	084206009669		1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	5.5	16	0.75	29.25	1	Trúng tuyển	
743	TDS.01.1359	Lê Gia Thiện	19/09/2006	Nam	064206007090		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.6	Sinh học	7.1	18.5	0.61	33.81		Trượt	KĐKNV
744	TDS.01.1360	Lê Ngọc Thiện	25/09/2006	Nam	068206010549		1	406	QLTDTT	Võ thuật	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.2	16	0.66	32.06	1	Trúng tuyển	
745	TDS.01.1361	Nguyễn Chí Thiện	27/09/2006	Nam	089206002869		2NT	406	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.9	18.5	0.26	35.56	1	Trúng tuyển	
746	TDS.01.1362	Nguyễn Hoàng Thiện	22/07/2006	Nam	083206012731		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.6	16	0.66	32.06	4	Trượt	TTTT
747	TDS.01.1364	Nguyễn Phạm Minh Thiện	27/10/2006	Nam	080206015518		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.4	17.5	0.26	35.16	2	Trượt	TTTT
748	TDS.01.1367	Thạch Minh Thiện	28/12/2006	Nam	094206002276	01	1	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	8.5	18	1.65	36.15	3	Trúng tuyển	
749	TDS.01.1368	Trần Chí Thiện	28/02/2006	Nam	095206007086		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.0	18.5	0.49	34.89	1	Trúng tuyển	
750	TDS.01.1691	Vũ Nguyễn Hữu Thiện	07/07/2006	Nam	075206022174		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	8.5	16	0.00	31.20	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
751	TDS.01.1370	Phạm Văn Thiệp	08/08/2006	Nam	052206009298		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	9.3	17.5	0.29	34.69	1	Trúng tuyển	
752	TDS.01.1372	Lê Phước Thịnh	27/08/2006	Nam	072206012302		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.9	Địa lí	8.4	18	0.19	33.49		Trượt	KĐKNV
753	TDS.01.1375	Nguyễn Hoàng Thịnh	15/10/2006	Nam	054206004701		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.8	Địa lí	7.5	16.5	0.55	33.35		Trượt	KĐKNV
754	TDS.01.1377	Nguyễn Tấn Thịnh	23/12/2006	Nam	054206003179		2	406	YSHTDĐT	Bơi lội	T00	Toán	7.3	Sinh học	7.9	18	0.19	33.39		Trượt	KĐKNV
755	TDS.01.1379	Nguyễn Trường Thịnh	27/07/2006	Nam	083206012753		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.3	Địa lí	8.2	15	0.47	30.97	1	Trúng tuyển	
756	TDS.01.1380	Nguyễn Vương Cường Thịnh	11/09/2006	Nam	067206000778		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	9.5	16.5	0.21	32.21	1	Trúng tuyển	
757	TDS.01.1381	Phạm Hoàng Thịnh	07/10/2006	Nam	095206000544		1	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	6.3	GDCD	8.8	15	0.74	30.84	2	Trượt	TTTT
758	TDS.01.1383	Phạm Phú Thịnh	21/09/2005	Nam	058205000918		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	7.75	15	0.50	30.50	1	Trúng tuyển	
759	TDS.01.1386	Võ Văn Thịnh	12/12/2006	Nam	052206004397		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.8	Sinh học	8.1	18	0.34	34.24	1	Trúng tuyển	
760	TDS.01.1388	Nguyễn Thái Thọ	06/04/2006	Nam	084206002349		1	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.75	GDCD	8.25	18	0.40	35.40	1	Trúng tuyển	
761	TDS.01.1392	Lê Văn Thôi	27/03/2006	Nam	066206012986		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.4	18	0.60	33.60	1	Trúng tuyển	
762	TDS.01.1393	Lê Hữu Thông	17/11/2006	Nam	052206015439		2NT	406	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.5	18.5	0.28	35.38	1	Trúng tuyển	
763	TDS.01.1395	Lê Ngọc Anh Thư	12/10/1996	Nữ	068196004564		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	8.6	Sinh học	8.0	17	0.00	33.60	1	Trúng tuyển	
764	TDS.01.1396	Nguyễn Hồ Minh Thư	30/09/2006	Nữ	086306003619		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	9.0	GDCD	9.3	16	0.25	34.55	3	Trượt	TTTT
765	TDS.01.1397	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	11/04/2006	Nữ	074306003775		2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.8	Sinh học	8.3	16	0.23	31.33	1	Trúng tuyển	
766	TDS.01.1399	Phan Đặng Minh Thư	26/06/2006	Nữ	074306009875		2	406	QLTDTT	Bóng đá	T00	Toán	5.0	Sinh học	7.1	17	0.25	29.35	1	Trúng tuyển	
767	TDS.01.1401	Cao Văn Thuận	23/12/2005	Nam	052205015759		3	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.6	17.5	0.00	33.30	1	Trúng tuyển	
768	TDS.01.1407	Phạm Thanh Thuận	09/09/2003	Nam	087203015149		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.6	8.5	0.00	22.50		Trượt	Điểm NK<5
769	TDS.01.1410	Huỳnh Ngọc Huệ Thương	13/01/2006	Nữ	064306017393		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T04	Toán	7.3	Vật lí	7.8	18.5	0.38	33.98	1	Trúng tuyển	
770	TDS.01.1411	Nguyễn Thị Anh Thụy	02/10/2006	Nữ	060306000918		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.25	19	0.18	34.18	1	Trúng tuyển	
771	TDS.01.1413	Kiên Ngọc Thủy	10/01/2000	Nữ	089300011473		3	406	HLTT	Bơi lội	T00	Toán	6.4	Sinh học	8.7	18	0.00	33.10	1	Trúng tuyển	
772	TDS.01.1414	Nguyễn Thị Diễm Thủy	13/07/2005	Nữ	083305011764		2NT	406	YSHTDĐT	Năng khiếu chung	T04	Toán	7.3	Vật lí	8.1	15	0.47	30.87	1	Trúng tuyển	
773	TDS.01.1417	Phan Nguyễn Thanh Thủy	31/01/2006	Nữ	079306000606		3	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.0	20	0.00	35.50	2	Trúng tuyển	
774	TDS.01.1748	Lê Hồng Thủy	21/08/2005	Nam	068205002514		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.4	Địa lí	7.9	18.5	0.22	33.02	1	Trúng tuyển	
775	TDS.01.1418	Nguyễn A Thuỳ	25/11/2006	Nữ	096306000757		1	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T04	Toán	8.8	Vật lí	8.9	15	0.48	33.18	1	Trúng tuyển	
776	TDS.01.1422	Nguyễn Hoàng Tiên	23/12/2006	Nam	092206004142		3	406	HLTT	Bơi lội	T06	Toán	8.6	Địa lí	8.5	18.5	0.00	35.60	1	Trúng tuyển	
777	TDS.01.1424	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12/07/2006	Nữ	083306006663		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	7.6	Vật lí	8.5	19	0.29	35.39	1	Trúng tuyển	
778	TDS.01.1426	Bùi Minh Tiến	17/11/2003	Nam	079203026742		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.3	18.5	0.00	33.80		Trượt	KĐKTK
779	TDS.01.1427	Đặng Minh Tiến	30/03/2006	Nam	068206001648	06a	2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.2	18	1.30	33.80	1	Trúng tuyển	
780	TDS.01.1429	Huỳnh Nhật Tiến	18/12/2006	Nam	079206040627		3	405	HLTT	Thế dục	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.0	16.5	0.00	30.50	1	Trúng tuyển	
781	TDS.01.1430	Huỳnh Trần Nhật Tiến	10/01/2006	Nam	064206018822		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.3	Địa lí	7.6	20	0.61	34.51	1	Trúng tuyển	
782	TDS.01.1431	Nguyễn Mạnh Tiến	05/10/2006	Nam	072206001766		2NT	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	9.75	16.5	0.28	34.28	1	Trúng tuyển	
783	TDS.01.1433	Thạch Minh Tiến	02/12/2006	Nam	094206002294	01	1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	8.5	15.5	2.44	33.54	1	Trúng tuyển	
784	TDS.01.1434	Trần Thành Tiến	14/01/2006	Nam	067206001383			406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn		GDCD		18	0.00	18.00		Trượt	KĐKTK
785	TDS.01.1443	Nguyễn Trọng Tín	06/11/2006	Nam	084206001447		2	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.9	17	0.14	34.34	1	Trúng tuyển	
786	TDS.01.1446	Trần Kim Tín	06/06/2006	Nam	054206006411		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.4	Vật lí	7.8	14.5	0.44	31.14	1	Trúng tuyển	
787	TDS.01.1448	Đào Trung Tĩnh	10/05/2006	Nam	066206007994		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.7	GDCD	5.9	17	0.75	30.35	1	Trúng tuyển	
788	TDS.01.1450	Lê Quý Tĩnh	15/02/2006	Nam	052206014423		2	406	YSHTDĐT	Điện kinh	T06	Toán	9.2	Địa lí	8.1	18.5	0.12	35.92	1	Trúng tuyển	
789	TDS.01.1454	Võ Hoàng Tĩnh	27/03/2006	Nam	093206007096		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	8.4	17	0.00	33.30	1	Trúng tuyển	
790	TDS.01.1455	Đồng Nhựt Toàn	13/02/2006	Nam	082206008479		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.8	Sinh học	8.3	16	0.39	32.49	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
791	TDS.01.1458	Lê Thế Toàn	25/01/2005	Nam	060205006478		2	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	6.8	Địa lí	7.7	16.5	0.24	31.24	1	Trúng tuyển	
792	TDS.01.1460	Nguyễn Phạm Minh Toàn	22/09/2006	Nam	051206000388		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.0	Địa lí	7.8	16	0.41	32.21	2	Trượt	TTTT
793	TDS.01.1716	Nguyễn Phương Toàn	27/06/2006	Nam	074206000134		2	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.75	GDCD	8.5	16.5	0.18	32.93	1	Trúng tuyển	
794	TDS.01.1461	Trần Đình Quốc Toàn	01/01/2001	Nam	075201019883		3	406	YSHDIT	Năng khiếu chung	T04	Toán	9.8	Vật lí	8.8	19	0.00	37.60	1	Trúng tuyển	
795	TDS.01.1462	Trần Vũ Đức Toàn	02/06/2005	Nam	064205008846		1	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	7.7	Địa lí	8.0	12	0.75	28.45	3	Trượt	TTTT
796	TDS.01.1463	Võ Văn Song Toàn	01/05/2006	Nam	089206002571		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	9.9	Sinh học	9.8	18.5	0.07	38.27	5	Trượt	TTTT
797	TDS.01.1464	Trần Đình Trà	24/02/2003	Nam	074203003762		3	406	HLTT	Điện kinh	T06	Toán	5.9	Địa lí	8.6	14.5	0.00	29.00	1	Trúng tuyển	
798	TDS.01.1468	Nguyễn Võ Ngọc Trâm	29/11/2005	Nữ	087305014654		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.5	Sinh học	8.3	17	0.67	32.47	1	Trúng tuyển	
799	TDS.01.1471	Trần Thị Mỹ Trâm	28/07/2006	Nữ	072306004128		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.5	Địa lí	9.1	18	0.23	35.83	1	Trúng tuyển	
800	TDS.01.1472	Nguyễn Ngọc Trần	16/10/2006	Nữ	089306013978		2	406	YSHDIT	Năng khiếu chung	T06	Toán	7.8	Địa lí	8.7	18	0.15	34.65	1	Trúng tuyển	
801	TDS.01.1473	Nguyễn Ngọc Bảo Trần	07/12/2006	Nữ	075306003704		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	7.5	16	0.20	32.20	1	Trúng tuyển	
802	TDS.01.1474	Nguyễn Thị Bảo Trần	29/11/2006	Nữ	087306003707		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	7.8	20	0.28	36.08	1	Trúng tuyển	
803	TDS.01.1476	Trần Bảo Trần	09/04/2006	Nữ	054306000907		2	405	HLTT	Thể dục	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	8.0	20	0.16	35.41	1	Trúng tuyển	
804	TDS.01.1478	Lê Tuấn Trang	04/10/2006	Nam	096206010202		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.7	Sinh học	7.5	12	0.25	26.45	1	Trúng tuyển	
805	TDS.01.1479	Trần Thị Thủy Trang	07/08/2006	Nữ	083306008944		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.4	Sinh học	8.9	18	0.47	34.77		Trượt	KĐKNV
806	TDS.01.1483	Nguyễn Hoàng Minh Trí	30/06/2006	Nam	051206000457		2	405	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.25	GDCD	9.25	17	0.17	33.67	1	Trúng tuyển	
807	TDS.01.1710	Nguyễn Minh Trí	27/04/2006	Nam	079206000825		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	9.0	16	0.00	32.60	1	Trúng tuyển	
808	TDS.01.1486	Nguyễn Trọng Trí	18/04/2006	Nam	082206016642		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	8.3	18	0.36	33.96	1	Trúng tuyển	
809	TDS.01.1487	Nguyễn Võ Minh Trí	16/05/2006	Nam	075206008795		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	6.1	18	0.50	32.00	1	Trúng tuyển	
810	TDS.01.1488	Phạm Minh Trí	11/10/2005	Nam	084205005852		1	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	9.4	Địa lí	9.6	16	0.30	35.30	1	Trúng tuyển	
811	TDS.01.1490	Trần Phạm Minh Trí	08/06/2006	Nam	079206019777		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.5	15	0.00	32.20	6	Trượt	TTTT
812	TDS.01.1492	Nguyễn Lê Minh Triết	28/11/2006	Nam	079206011060		3	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	8.1	14.5	0.00	31.10	1	Trúng tuyển	
813	TDS.01.1495	Nguyễn Ngọc Hải Triều	21/11/2006	Nam	066206003884		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	8.1	GDCD	8.7	14	0.21	31.01	1	Trúng tuyển	
814	TDS.01.1497	Lâm Quốc Triệu	07/08/2006	Nam	094206009997		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	7.2	11	0.75	25.85		Trượt	KĐKNV
815	TDS.01.1732	Lê Nguyễn Phương Trinh	31/10/2006	Nữ	072306002581		2	406	YSHDIT	Quần vợt	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.2	20	0.14	35.94	1	Trúng tuyển	
816	TDS.01.1502	Quách Việt Trinh	22/12/2006	Nữ	094306005091	01	1	406	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	8.7	10	2.75	29.15	1	Trúng tuyển	
817	TDS.01.1503	Thạch Nguyễn Phương Trinh	08/05/2005	Nữ	070305008857	06a	2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.5	17	1.04	33.29	1	Trúng tuyển	
818	TDS.01.1504	Đặng Tấn Trỗi	18/11/2006	Nam	054206009167		2	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	5.75	GDCD	9.0	18	0.21	32.96	1	Trúng tuyển	
819	TDS.01.1505	Đặng Quốc Trọng	10/07/2006	Nam	067206000756		1	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	8.5	16.5	0.68	32.18	1	Trúng tuyển	
820	TDS.01.1506	Dương Hữu Trọng	29/03/2006	Nam	086206004984		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	9.5	16	0.18	32.88	2	Trúng tuyển	
821	TDS.01.1508	Phạm Nguyễn Minh Trọng	05/11/2006	Nam	038206018193		2NT	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	9.1	19.5	0.26	36.06	1	Trúng tuyển	
822	TDS.01.1513	Nguyễn Thị Phương Trúc	07/01/2006	Nữ	080306012093		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	9.1	Sinh học	9.4	16.5	0.22	35.22	1	Trúng tuyển	
823	TDS.01.1517	Nguyễn Trung Trục	09/04/2006	Nam	068206010935		2NT	406	QLTDTT	Năng khiếu chung	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.4	18.5	0.36	34.16	1	Trúng tuyển	
824	TDS.01.1518	Nguyễn Trung Trục	29/01/2006	Nam	072206003397		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	6.7	Sinh học	6.8	17.5	0.50	31.50	1	Trúng tuyển	
825	TDS.01.1519	Đặng Quang Trung	07/03/2006	Nam	052206007031		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.8	Địa lí	8.1	17	0.44	32.34	1	Trúng tuyển	
826	TDS.01.1520	Đoàn Danh Trung	26/04/2006	Nam	075206009094		2	406	HLTT	Bóng bàn	T06	Toán	9.0	Địa lí	8.4	18.5	0.11	36.01	1	Trúng tuyển	
827	TDS.01.1521	Huỳnh Bảo Trung	31/08/2004	Nam	082204013481			405	HLTT	Bóng đá	T06	Toán		Địa lí		18.5	0.00	18.50		Trượt	KĐKTK
828	TDS.01.1522	Huỳnh Hoàng Trung	21/07/2006	Nam	079206042679		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.2	Địa lí	9.6	15	0.22	31.02	1	Trúng tuyển	
829	TDS.01.1523	Nguyễn Đức Trung	09/12/2006	Nam	079206008606		3	405	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.6	Địa lí	7.5	18	0.00	33.10	1	Trúng tuyển	
830	TDS.01.1525	Nguyễn Minh Trung	17/08/2006	Nam	083206010863		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T04	Toán	8.1	Vật lí	8.3	17	0.34	33.74	2	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
831	TDS.01.1529	Phạm Hoàng Trung	26/02/2006	Nam	067206007279		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	7.8	18.5	0.75	32.55		Trượt	KĐKNV
832	TDS.01.1531	Phùng Quốc Trung	20/02/2006	Nam	079206007237		2	406	HLTT	Bóng rổ	T06	Toán	7.4	Địa lí	7.6	18.5	0.19	33.69	2	Trúng tuyển	
833	TDS.01.1533	Trần Trọng Thành Trung	12/07/2006	Nam	075206019585		2	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.6	18.5	0.18	34.08	1	Trúng tuyển	
834	TDS.01.1536	Đặng Quang Trường	15/08/2006	Nam	082206006972		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.8	GDCD	8.7	19	0.17	34.67	1	Trúng tuyển	
835	TDS.01.1537	Hồ Nhật Trường	01/09/2006	Nam	094206003942		2	405	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.75	14.5	0.22	30.97	1	Trúng tuyển	
836	TDS.01.1540	Lê Xuân Trường	27/04/2006	Nam	054206006308		2	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	8.3	Vật lí	9.3	18.5	0.11	36.21	1	Trúng tuyển	
837	TDS.01.1541	Ngô Nhật Trường	28/01/2006	Nam	082206009245		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.0	Địa lí	8.7	16	0.42	32.12	1	Trúng tuyển	
838	TDS.01.1546	Đàm Thanh Tú	04/02/2006	Nam	079206034559		3	405	QLTDTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.25	GDCD	8.75	20	0.00	35.00	2	Trượt	TTTT
839	TDS.01.1548	Hoàng Anh Tú	14/10/2002	Nam	075202023869		3	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.3	18.5	0.00	33.90		Trượt	KĐKTK
840	TDS.01.1550	Lê Huỳnh Anh Tú	24/07/2006	Nam	072206003538		2	406	YSHTDIT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	9.1	18.5	0.13	35.43	1	Trúng tuyển	
841	TDS.01.1552	Nguyễn Thanh Tú	11/09/2006	Nam	031206013189		3	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.4	17.5	0.00	34.20	1	Trúng tuyển	
842	TDS.01.1553	Nguyễn Thanh Tú	14/01/2006	Nam	077206002164		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	8.0	GDCD	9.75	19.5	0.17	37.42	1	Trúng tuyển	
843	TDS.01.1556	Trần Đình Thanh Tú	24/06/2006	Nam	060206002262		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.25	15.5	0.43	31.68	1	Trúng tuyển	
844	TDS.01.1558	Nguyễn Văn Tôn Tự	28/05/2006	Nam	058206001792		2	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	6.4	Sinh học	7.9	15.5	0.25	30.05	1	Trúng tuyển	
845	TDS.01.1561	Hà Minh Tuấn	31/05/2006	Nam	074206010550		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.5	15.5	0.50	30.50	1	Trúng tuyển	
846	TDS.01.1562	Hồ Quốc Tuấn	03/11/2006	Nam	070206005684		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.5	14	0.25	28.75	1	Trúng tuyển	
847	TDS.01.1563	Hoàng Anh Tuấn	09/06/2006	Nam	075206010583		3	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.2	13.5	0.00	28.80		Trượt	KĐKNV
848	TDS.01.1749	Lê Anh Tuấn	01/04/2003	Nam	058203002344		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.4	18.5	0.00	32.90	1	Trúng tuyển	
849	TDS.01.1566	Lê Bùi Anh Tuấn	17/10/2006	Nam	075206017804		2NT	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	8.25	GDCD	8.5	19.5	0.23	36.48	2	Trượt	TTTT
850	TDS.01.1567	Lê Thanh Tuấn	09/02/2006	Nam	077206006198		1	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.5	Địa lí	8.8	16	0.57	32.87	1	Trúng tuyển	
851	TDS.01.1570	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	12/12/2006	Nam	079206008387		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	8.6	16.5	0.00	32.70	3	Trượt	TTTT
852	TDS.01.1574	Phạm Anh Tuấn	20/08/2006	Nam	075206008862		2	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	8.0	17	0.23	31.98	1	Trúng tuyển	
853	TDS.01.1575	Phạm Đồng Anh Tuấn	28/07/2006	Nam	068206013523		2	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.7	16.5	0.24	31.44	1	Trúng tuyển	
854	TDS.01.1576	Phạm Đức Tuấn	14/08/2006	Nam	068206003468		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	7.4	18	0.66	33.06	1	Trúng tuyển	
855	TDS.01.1577	Phạm Lê Anh Tuấn	02/12/2006	Nam	075206001925		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	7.1	Sinh học	8.5	17	0.39	32.99	1	Trúng tuyển	
856	TDS.01.1578	Phạm Minh Tuấn	07/11/2006	Nam	067206000900		2	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.25	17.5	0.23	31.98	1	Trúng tuyển	
857	TDS.01.1731	Phan Anh Tuấn	01/01/2006	Nam	068206000093		2NT	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	6.9	Vật lí	7.1	16.5	0.50	31.00	4	Trúng tuyển	
858	TDS.01.1581	Phan Trần Minh Tuấn	30/07/2005	Nam	082205000986		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.9	GDCD	7.7	13.5	0.50	29.60	1	Trúng tuyển	
859	TDS.01.1724	Tô Nguyễn Đình Tuấn	12/06/2006	Nam	075206008384		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	8.9	17.5	0.34	33.94	1	Trúng tuyển	
860	TDS.01.1584	Trần Văn Tuấn	29/08/2006	Nam	036206025501		3	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.7	GDCD	7.9	16	0.00	31.60	1	Trúng tuyển	
861	TDS.01.1587	Đoàn Mạnh Tùng	06/01/2006	Nam	062206006477		1	406	HLTT	Điện kinh	T04	Toán	6.8	Vật lí	9.8	15.5	0.57	32.67	3	Trúng tuyển	
862	TDS.01.1588	Lê Thanh Tùng	07/02/2006	Nam	072206010919		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	6.6	14.5	0.50	28.20	1	Trúng tuyển	
863	TDS.01.1590	Nguyễn Thanh Tùng	26/10/2006	Nam	079206006662		3	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	8.2	Địa lí	9.0	18	0.00	35.20	1	Trúng tuyển	
864	TDS.01.1593	Lê Hữu Tuyên	12/12/2006	Nam	060206004591		2NT	405	HLTT	Điện kinh	T05	Ngữ văn	5.75	GDCD	8.75	18.5	0.42	33.42	1	Trúng tuyển	
865	TDS.01.1594	Vũ Đức Tuyên	04/10/2006	Nam	068206009513		1	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.0	GDCD	8.0	17	0.65	32.65	1	Trúng tuyển	
866	TDS.01.1598	Nguyễn Công Tuyên	09/02/2006	Nam	082206008253		2NT	406	HLTT	Bóng rổ	T05	Ngữ văn	9.3	GDCD	8.8	15.5	0.28	33.88		Trượt	KĐKNV
867	TDS.01.1600	Hoàng Thị Ánh Tuyết	26/01/2006	Nữ	001306087300		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.4	GDCD	9.1	16	0.00	33.50	1	Trúng tuyển	
868	TDS.01.1602	Trần Thị Ánh Tuyết	07/02/2003	Nữ	074303009633		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.3	GDCD	7.7	17	0.00	32.00	1	Trúng tuyển	
869	TDS.01.1603	Cao Văn Tỷ	03/02/2006	Nam	083206012832		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.9	Sinh học	8.2	18	0.33	34.43	1	Trúng tuyển	
870	TDS.01.1604	Nguyễn Kim Trường Tỷ	19/07/2006	Nam	070206004793		2	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	9.0	16	0.21	31.81	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1	Môn 2	Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú		
871	TDS.01.1605	A Yang U	14/03/2005	Nam	062205006315	01	1	406	HLTT	Thế dục	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.1	17	2.75	32.95	1	Trúng tuyển	
872	TDS.01.1609	Nguyễn Thị Thanh Vân	21/06/2002	Nữ	079302009943		3	406	HLTT	Cầu lông	T00	Toán	8.1	Sinh học	9.2	18	0.00	35.30	1	Trúng tuyển	
873	TDS.01.1610	Nguyễn Phúc Văn	29/03/2006	Nam	068206000810		1	406	QLTDTT	Cầu lông	T00	Toán	8.9	Sinh học	8.6	16	0.45	33.95	1	Trúng tuyển	
874	TDS.01.1611	Thiệu Văn	15/12/2004	Nam	079204037464		3	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.5	Địa lí	7.4	16.5	0.00	31.40	1	Trúng tuyển	
875	TDS.01.1613	Đặng Ngọc Phước Vàng	17/07/2006	Nam	089206018121		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	6.1	Địa lí	7.7	18	0.48	32.28	1	Trúng tuyển	
876	TDS.01.1614	Nguyễn Lê Ngọc Vi	07/01/2006	Nữ	089306008058		2	405	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	9.75	18	0.13	35.38	1	Trúng tuyển	
877	TDS.01.1616	Nguyễn Thị Yến Vi	09/11/2006	Nữ	060306004464		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.0	GDCD	8.75	16.5	0.47	31.72	1	Trúng tuyển	
878	TDS.01.1617	Dương Hùng Vĩ	27/03/2006	Nam	052206012694		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	8.3	16.5	0.42	32.42	3	Trượt	TTTT
879	TDS.01.1723	Lê Quốc Việt	06/06/2006	Nam	079206046677		2	406	HLTT	Điền kinh	T00	Toán	5.6	Sinh học	7.5	16	0.25	29.35		Trượt	KĐKNV
880	TDS.01.1699	Phan Quốc Việt	20/08/2006	Nam	058206001775		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	6.5	GDCD	7.1	16.5	0.25	30.35	1	Trúng tuyển	
881	TDS.01.1622	Trần Văn Quốc Việt	31/07/2004	Nam	066204000736		3	406	HLTT	Bóng chuyền	T00	Toán	7.2	Sinh học	8.0	18.5	0.00	33.70	1	Trúng tuyển	
882	TDS.01.1623	Triệu Quốc Việt	05/01/2005	Nam	070205007388			406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán		Sinh học		20	0.00	20.00		Trượt	KĐKTK
883	TDS.01.1625	Đặng Quang Vinh	06/09/2006	Nam	075206024613		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	8.7	Địa lí	9.2	20	0.14	38.04	1	Trúng tuyển	
884	TDS.01.1626	Đặng Thái Vinh	07/01/2006	Nam	095206005077		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.75	GDCD	9.0	17.5	0.37	33.62	3	Trượt	TTTT
885	TDS.01.1627	Đoàn Quang Vinh	06/06/2006	Nam	089206001554		2	406	HLTT	Bóng đá	T06	Toán	6.6	Địa lí	8.0	19	0.20	33.80	2	Trượt	TTTT
886	TDS.01.1628	Doãn Trần Ngọc Vinh	20/08/2006	Nam	068206014849		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.9	GDCD	8.0	18.5	0.39	33.79		Trượt	KĐKNV
887	TDS.01.1630	Hồ Anh Vinh	05/05/2006	Nam	052206014378		2	406	HLTT	Bóng rổ	T00	Toán	7.9	Sinh học	7.9	17	0.19	32.99	1	Trúng tuyển	
888	TDS.01.1632	Ngô Duy Vinh	30/04/2006	Nam	051206011756		2	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	6.4	Sinh học	9.1	19.5	0.16	35.16	1	Trúng tuyển	
889	TDS.01.1633	Nguyễn Hữu Vinh	07/12/2006	Nam	060206000376		2NT	405	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	5.5	GDCD	7.5	18.5	0.50	32.00	1	Trúng tuyển	
890	TDS.01.1636	Nguyễn Quang Vinh	06/01/2006	Nam	062206006274		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	8.6	18.5	0.44	35.34	1	Trúng tuyển	
891	TDS.01.1637	Nguyễn Quang Vinh	19/10/2005	Nam	074205003380		2NT	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.1	Vật lí	7.8	19	0.31	35.21	1	Trúng tuyển	
892	TDS.01.1638	Nguyễn Thành Vinh	28/08/2003	Nam	034203016858		3	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	8.5	Vật lí	8.7	16.5	0.00	33.70	1	Trúng tuyển	
893	TDS.01.1639	Nguyễn Trần Lê Thành Vinh	31/12/2006	Nam	052206001085		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.3	19	0.56	34.46	1	Trúng tuyển	
894	TDS.01.1640	Nguyễn Trường An Vinh	24/10/2006	Nam	079206032806		2	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	6.3	Địa lí	8.7	16	0.23	31.23	1	Trúng tuyển	
895	TDS.01.1641	Phạm Công Vinh	11/06/2006	Nam	082206004231		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	7.6	Địa lí	8.8	17	0.34	33.74	1	Trúng tuyển	
896	TDS.01.1642	Tô Hữu Vinh	17/11/2006	Nam	084206000481		2	405	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	8.25	17.5	0.15	34.40	1	Trúng tuyển	
897	TDS.01.1644	Trần Ngọc Vinh	12/02/2006	Nam	034206009442		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	7.4	GDCD	8.5	16.5	0.20	32.60	1	Trúng tuyển	
898	TDS.01.1645	Trần Võ Tiến Vinh	07/08/2006	Nam	066206010333		1	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	6.6	GDCD	8.4	19.5	0.53	35.03	1	Trúng tuyển	
899	TDS.01.1646	Trần Đào Phước Vinh	22/03/2006	Nam	087206004365		2	406	HLTT	Điền kinh	T05	Ngữ văn	7.8	GDCD	9.4	18	0.13	35.33	2	Trượt	TTTT
900	TDS.01.1647	Dương Quang Vũ	26/01/2006	Nam	068206004616	01	1	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.9	Địa lí	8.3	16.5	2.04	34.74	1	Trúng tuyển	
901	TDS.01.1648	Huỳnh Tuấn Vũ	19/05/2006	Nam	056206000671		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.1	Địa lí	8.6	16.5	0.40	32.60	1	Trúng tuyển	
902	TDS.01.1650	Nguyễn An Vũ	19/09/2006	Nam	038206006057		2	406	HLTT	Cầu lông	T04	Toán	8.0	Vật lí	7.4	17	0.20	32.60	1	Trúng tuyển	
903	TDS.01.1657	Trần Hoàng Vũ	27/10/2006	Nam	075206003814		2	406	HLTT	Bóng đá	T04	Toán	9.0	Vật lí	8.5	20	0.08	37.58	2	Trúng tuyển	
904	TDS.01.1658	Vũ Huỳnh Lâm Vũ	13/03/2006	Nam	072206003613		2	406	HLTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.1	GDCD	7.1	4.5	0.25	18.95		Trượt	Điểm NK<5
905	TDS.01.1761	Dương Tấn Vũ	17/01/2006	Nam	072206000979		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T05	Ngữ văn	5.3	GDCD	6.8	18	0.50	30.60		Trượt	KĐKNV
906	TDS.01.1659	Lữ Đình Quốc Vương	26/10/2002	Nam	052202008908		3	406	YSHTDTT	Bóng chuyền	T04	Toán	7.0	Vật lí	9.2	18	0.00	34.20	1	Trúng tuyển	
907	TDS.01.1662	Nguyễn Xuân Vương	19/07/2006	Nam	068206000651		1	406	HLTT	Bóng đá	T00	Toán	7.5	Sinh học	7.2	16	0.73	31.43	1	Trúng tuyển	
908	TDS.01.1663	Phạm Quốc Vương	03/03/2006	Nam	052206010890		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.9	Địa lí	7.7	18	0.36	33.96	1	Trúng tuyển	
909	TDS.01.1665	Đinh Thị Yến Vy	10/11/2006	Nữ	075306002797	01	1	406	HLTT	Cầu lông	T06	Toán	7.0	Địa lí	7.6	16	2.71	33.31	1	Trúng tuyển	
910	TDS.01.1666	Đỗ Tường Vy	21/03/2006	Nữ	089306008724		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	8.2	GDCD	9.6	16	0.28	34.08	1	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	Đối tượng UT	Khu vực UT	Mã PT xét tuyển	Ngành đào tạo	Môn năng khiếu	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Điểm NK (hệ số 2)	Điểm UT quy đổi	Tổng điểm	NV đăng ký trên hệ thống	Kết quả xét tuyển theo nguyện vọng	Ghi chú
911	TDS.01.1667	Hứa Thị Thủy Vy	08/03/2006	Nữ	068306005978		2NT	405	QLTDTT	Bóng đá	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	8.25	15.5	0.43	31.68	1	Trúng tuyển	
912	TDS.01.1668	Lê Ngọc Thảo Vy	03/03/2006	Nữ	064306012934		2	406	HLTT	Cầu lông	T05	Ngữ văn	8.6	GDCD	8.8	17	0.14	34.54	1	Trúng tuyển	
913	TDS.01.1670	Lương Khả Vy	13/11/2006	Nữ	094306003346		3	406	HLTT	Bơi lội	T05	Ngữ văn	8.5	GDCD	9.1	18.5	0.00	36.10	1	Trúng tuyển	
914	TDS.01.1671	Nguyễn Anh Vy	14/05/2006	Nữ	086306005000		2NT	405	QLTDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	7.5	GDCD	7.75	16.5	0.43	32.18	1	Trúng tuyển	
915	TDS.01.1672	Nguyễn Hoàng Phương Vy	23/04/2006	Nữ	080306014569		2NT	406	QLTDTT	Điện kinh	T04	Toán	9.2	Vật lí	9.7	13	0.31	32.21	1	Trúng tuyển	
916	TDS.01.1676	Phạm Mộng Thủy Vy	17/09/2006	Nữ	083306001986		2NT	405	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6	GDCD	7.75	18	0.48	32.23	1	Trúng tuyển	
917	TDS.01.1677	Phạm Trúc Vy	27/09/2006	Nữ	080306001858		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.6	GDCD	9.3	18	0.27	35.17	1	Trúng tuyển	
918	TDS.01.1678	Trần Thị Tường Vy	21/05/2006	Nữ	089306013142		2	406	YSHDTT	Năng khiếu chung	T05	Ngữ văn	8.9	GDCD	9.5	15	0.14	33.54	1	Trúng tuyển	
919	TDS.01.1701	Ngô Thiên Vy	26/10/2006	Nam	066206018227		1	406	QLTDTT	Bóng đá	T00	Toán	6.9	Sinh học	8.7	16.5	0.62	32.72	1	Trúng tuyển	
920	TDS.01.1682	Nguyễn Thái Vy	19/10/2006	Nam	082206001104		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	7.2	Địa lí	8.8	17	0.37	33.37	1	Trúng tuyển	
921	TDS.01.1738	Nguyễn Nguyễn Hữu Xuân	19/01/2006	Nam	068206002847		1	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.1	Địa lí	7.7	18	0.52	34.32	1	Trúng tuyển	
922	TDS.01.1685	Nguyễn Thanh Xuân	10/08/2006	Nữ	079306003724		3	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	6.1	GDCD	8.2	18	0.00	32.30	2	Trúng tuyển	
923	TDS.01.1686	Nguyễn Ngọc Như Ý	18/01/2005	Nữ	094305012068		1	406	QLTDTT	Điện kinh	T00	Toán	7.6	Sinh học	8.4	19	0.45	35.45	1	Trúng tuyển	
924	TDS.01.1711	Nguyễn Ngọc Như Ý	01/10/2006	Nữ	083306003128		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T05	Ngữ văn	7.2	GDCD	9.1	18	0.31	34.61	1	Trúng tuyển	
925	TDS.01.1687	Mai Thị Thu Yến	12/07/2006	Nữ	064306007492		2NT	406	HLTT	Bóng chuyền	T06	Toán	8.3	Địa lí	8.1	16.5	0.36	33.26	1	Trúng tuyển	
926	TDS.01.1689	Nguyễn Thị Hải Yến	24/02/2006	Nữ	083306000784		2NT	406	HLTT	Võ thuật	T06	Toán	9.2	Địa lí	9.7	17	0.17	36.07	2	Trúng tuyển	

Tổng số: 926 thí sinh./